

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên** : Vương Thị Phượng

**Giảng viên hướng dẫn** : Th.S Ninh Thị Thùy Trang

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**TẠI CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU**  
**THỰC PHẨM VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên** : Vương Thị Phương

**Giảng viên hướng dẫn** : Th.S Ninh Thị Thùy Trang

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên : Vương Thị Phượng Mã số :1354010185  
Lớp : QT1304K Ngành : Kế toán – Kiểm toán  
Tên đề tài : Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt  
động kinh doanh tại công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt  
Nam

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

**( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp
- Phản ánh được thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam
- Đưa ra những nhận xét chung về công tác kế toán nói chung và tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị

## **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

Sử dụng số liệu năm : 2011- 2012

## **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.**

CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU THỰC PHẨM VIỆT NAM

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Vương Thị Phụng

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Ninh Thị Thùy Trang

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2013*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG I:MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP .....	3
1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI DOANH NGHIỆP .....	3
1.1.1 Khái niệm báo cáo tài chính.....	3
1.1.2 Mục đích, vai trò của Báo cáo tài chính.....	3
1.1.3 Hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.....	6
1.1.4 Yêu cầu Báo cáo tài chính.....	7
1.1.5 Những nguyên tắc cơ bản lập Báo cáo tài chính.....	8
1.1.6 Trách nhiệm lập, kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nộp Báo cáo tài chính ....	12
1.2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH .....	16
1.2.1 Khái niệm và kết cấu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	16
1.2.2. Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..	18
1.2.3. Nguồn số liệu và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	18
1.3 NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	22
1.3.1. Mục đích và ý nghĩa, chức năng của việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp .....	22
1.3.2. Nội dung và phương pháp phân tích Báo cáo tài chính .....	26
1.3.3. Phương pháp phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh.....	29
1.3.3.1.Phương pháp chung .....	29
1.3.3.2.Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	31
1.3.3.3.Phân tích một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.....	32

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU THỰC PHẨM VIỆT NAM.....	35
2.1 Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam .....	35
2.1.1 <i>Quá trình hình thành và phát triển của Công ty</i> .....	35
2.1.2 <i>Cơ cấu tổ chức của Công ty</i> .....	37
2.1.4 <i>Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán</i> .....	40
2.2 <i>Thực tế công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam</i> .....	42
2.2.1 <i>Một số công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty</i> .....	42
2.2.2. <i>Phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam</i> .....	53
2.3 <i>Thực tế phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam</i> .....	57
CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU THỰC PHẨM VIỆT NAM .....	59
3.1 NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN.....	59
3.1.1 <i>Ưu điểm</i> .....	59
3.1.2 <i>Những vấn đề còn tồn tại</i> .....	60
3.1.2.1 <i>Những hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty</i> .....	60
3.1.2.2 <i>Những hạn chế trong công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> .....	61
3.1.2.3 <i>Những hạn chế trong công tác phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</i> .....	62
3.2 NHỮNG KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU THỰC PHẨM VIỆT NAM.....	63

<i>3.2.1 Công tác kế toán tại công ty.....</i>	<i>63</i>
<i>3.2.2 Về lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>65</i>
<i>3.2.3 Về phân tích báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....</i>	<i>65</i>
<i>3.2.3.1. Phân tích khái quát tình hình biến động của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....</i>	<i>70</i>
<b>3.3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>84</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>91</b>



## LỜI MỞ ĐẦU

Bước vào giai đoạn phát triển với xu thế quốc tế hoá nền kinh tế thế giới và trong cơ chế thị trường như hiện nay đặc biệt là sau khi nước ta gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) với sự cạnh tranh gay gắt về mọi mặt đòi hỏi các chủ thể kinh tế ngoài vốn tự có phải biết huy động vốn để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Nhằm đáp ứng tốt những yêu cầu đó thì việc đi sâu tìm hiểu hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thông qua báo cáo tài chính của doanh nghiệp là một cách hữu hiệu nhất.

Nằm trong hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một trong bốn báo cáo tài chính có ý nghĩa quan trọng phản ánh tình hình và kết quả kinh doanh của tất cả các hoạt động có trong doanh nghiệp. Việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các đối tượng sử dụng thông tin nắm bắt được thực trạng tài chính của doanh nghiệp, xác định được nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thông qua việc phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho phép đánh giá được kết quả cũng như trình độ quản lý và triển vọng kinh tế tài chính của doanh nghiệp trong tương lai. Từ đó đưa ra những giải pháp nhằm tận dụng tối đa thế mạnh và hạn chế những mặt còn yếu kém nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Vậy nên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam được sự giúp đỡ nhiệt tình của phòng kế toán, phòng kinh doanh, và sự hướng dẫn hết sức nhiệt tình của **Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang** đã giúp em lựa chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác Lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam**”.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài khoá luận của em được chia thành 3 chương:

**Chương 1: Một số lý luận chung về công tác lập và phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp**

**Chương 2: Thực trạng công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam**

**Chương 3: Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam**

Do còn hạn chế về trình độ và điều kiện thu thập tài liệu, nên bài khoá luận của em sẽ không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp chỉ bảo để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn !**

## CHƯƠNG 1

### MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

#### 1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI DOANH NGHIỆP

##### 1.1.1 Khái niệm báo cáo tài chính

Sau quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp thường phải tiến hành lập Báo cáo tài chính để tổng hợp đánh giá một cách khái quát tình hình tài sản, nguồn vốn, công nợ... của đơn vị. Trên cơ sở các số liệu đó tiến hành phân tích, đánh giá tình hình tài chính, xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ tới.

Như vậy, Báo cáo tài chính là báo cáo tổng hợp từ số liệu các sổ kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế tài chính tổng hợp phản ánh có hệ thống tình hình tài sản, nguồn vốn hình thành tài sản của doanh nghiệp, tình hình kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình quản lý, sử dụng vốn của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định vào một hệ thống biểu mẫu quy định thống nhất.

##### 1.1.2 Mục đích, vai trò của Báo cáo tài chính

###### ❖ Mục đích của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là sản phẩm cuối cùng của công tác kế toán trong một kỳ kế toán, phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn cũng như tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Như vậy mục đích của Báo cáo tài chính là:

- Tổng hợp và trình bày một cách khái quát, toàn diện tình hình tài sản, công nợ, nguồn vốn, tình hình kết quả sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán.

- Cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp, kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

kỳ hoạt động đã qua và những dự đoán cho tương lai. Thông tin của Báo cáo tài chính là căn cứ quan trọng cho việc đề ra quyết định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư vào doanh nghiệp của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của doanh nghiệp.

+ Thông tin tình hình tài chính doanh nghiệp: Tình hình tài chính doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của các nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát, của cơ cấu tài chính, khả năng thanh toán, khả năng thích ứng cho phù hợp với môi trường kinh doanh. Nhờ thông tin về các nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát và năng lực doanh nghiệp trong quá khứ đã tác động đến nguồn lực kinh tế này mà có thể dự đoán nguồn nhân lực của doanh nghiệp có thể tạo ra các khoản tiền và tương đương tiền trong tương lai.

+ Thông tin về cơ cấu tài chính: Có tác dụng lớn dự đoán nhu cầu đi vay, phương thức phân phối lợi nhuận, tiền lưu chuyển cũng là mối quan tâm của doanh nghiệp và cũng là thông tin cần thiết để dự đoán khả năng huy động các nguồn tài chính của doanh nghiệp.

+ Thông tin về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp đặc biệt là thông tin về tính sinh lời, thông tin về tình hình biến động sản xuất kinh doanh sẽ giúp cho đối tượng sử dụng đánh giá những thay đổi tiềm tàng của các nguồn lực kinh tế mà doanh nghiệp có thể kiểm soát trong tương lai, để dự đoán khả năng tạo ra các nguồn lực bổ sung mà doanh nghiệp có thể sử dụng.

+ Thông tin về sự biến động tình hình tài chính của doanh nghiệp: Những thông tin này trên Báo cáo tài chính rất hữu ích trong việc đánh giá các hoạt động đầu tư, tài trợ và kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

### ❖ Vai trò của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp như các cơ quan Quản lý Nhà nước, các nhà đầu tư hiện tại và đầu tư tiềm

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

tàng, kiểm toán viên độc lập và các đối tượng khác liên quan. Nhờ các thông tin này mà các đối tượng sử dụng có thể đánh giá chính xác hơn về năng lực của doanh nghiệp:

- Đối với các nhà quản lý doanh nghiệp: Báo cáo tài chính cung cấp các chỉ tiêu kinh tế dưới dạng tổng hợp sau một kỳ hoạt động, giúp cho họ trong việc phân tích đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, xác định nguyên nhân tồn tại và những khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Từ đó đề ra các giải pháp, quyết định quản lý kịp thời, phù hợp với sự phát triển của mình trong tương lai.

- Đối với các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước: Báo cáo tài chính cung cấp những thông tin trên cơ sở nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của mình mà từng cơ quan kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách, chế độ quản lý – tài chính của doanh nghiệp như:

+ Cơ quan thuế: Kiểm tra tình hình thực hiện và chấp hành các loại thuế, xác định số thuế phải nộp, đã nộp, số thuế được khấu trừ, miễn giảm của doanh nghiệp...

+ Cơ quan tài chính: Kiểm tra đánh giá tình hình và hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp Nhà nước, kiểm tra việc chấp nhận các chính sách quản lý nói chung và chính sách quản lý vốn nói riêng...

- Đối với đối tượng sử dụng khác như:

+ Các chủ đầu tư: Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin về những khả năng hoặc những rủi ro tiềm tàng của doanh nghiệp có liên quan tới việc đầu tư của họ, từ đó đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng đầu tư vào thời điểm nào, đối với lĩnh vực nào.

+ Các chủ nợ: Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin về khả năng thanh toán của doanh nghiệp, từ đó chủ nợ đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc cho vay đối với các doanh nghiệp.

+ Các khách hàng: Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin mà từ đó họ

có thể phân tích được khả năng cung cấp của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc mua bán với doanh nghiệp. Ngoài ra, các thông tin trên báo cáo còn có tác dụng củng cố niềm tin và sức mạnh cho các công nhân viên của doanh nghiệp để họ nhiệt tình, hăng say trong lao động.

### 1.1.3 Hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC hệ thống Báo cáo tài chính gồm:

- Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính giữa niên độ
- Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính tổng hợp
- ❖ Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ

➤ Báo cáo tài chính năm bao gồm:

Bảng cân đối kế toán	Mẫu số B01-DNN
Bảng báo cáo kết quả kinh doanh	Mẫu số B02-DNN
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B03-DNN
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B09-DNN

➤ Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ và Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược.

- Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, gồm:

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ dạng đầy đủ	Mẫu số B01a-DNN
Báo cáo kết quả HĐKD giữa niên độ dạng đầy đủ	Mẫu số B02a-DNN
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ dạng đầy đủ	Mẫu số B03a-DNN
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ	Mẫu số B09a-DNN

- Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược, gồm:

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ dạng tóm lược	Mẫu số B01b-DNN
Báo cáo kết quả HĐKD giữa niên độ dạng tóm lược	Mẫu số B02b-DNN
Báo cáo lưu chuyển tiền giữa niên độ dạng tóm lược	Mẫu số B03-DNN
Thuyết minh BC tài chính giữa niên độ dạng tóm lược	Mẫu số B09b-DNN

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

❖ Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính tổng hợp

➤ Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Mẫu số B01-DNN/HN
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	Mẫu số B02-DNN/HN
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	Mẫu số B03-DNN/HN
Thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B09-DNN/HN

➤ Báo cáo tài chính tổng hợp, gồm:

Bảng cân đối kế toán	Mẫu số B01-DNN
Bảng báo cáo kết quả kinh doanh	Mẫu số B02-DNN
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B03-DNN
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B09-DNN

#### 1.1.4 Yêu cầu Báo cáo tài chính

Để đạt được mục đích của Báo cáo tài chính là cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng với những mục đích khác nhau khi đưa ra các quyết định kịp thời thì Báo cáo tài chính phải đảm bảo những yêu cầu nhất định. Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 21 thì Báo cáo tài chính phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Báo cáo tài chính phải trình bày một cách trung thực và hợp lý. Để đáp ứng được yêu cầu này, doanh nghiệp phải:
  - + Trình bày trung thực, hợp lý tình hình kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
  - + Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.
  - + Trình bày khách quan không thiên vị.
  - + Tuân thủ nguyên tắc thận trọng
  - + Trình bày đầy đủ mọi khía cạnh trọng yếu.
- Báo cáo tài chính phải được trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn

mục kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

- Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên, đóng dấu để đảm bảo tính pháp lý của báo cáo tài chính.

### **1.1.5 Những nguyên tắc cơ bản lập Báo cáo tài chính**

Để đảm bảo những yêu cầu đối với báo cáo tài chính thì việc lập hệ thống Báo cáo tài chính cần phải tuân thủ 6 nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính” như sau:

- Nguyên tắc hoạt động liên tục:

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình. Khi đánh giá, nếu Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp biết được có những điều không chắc chắn liên quan đến các sự kiện hoặc các điều kiện có thể gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp thì những điều không chắc chắn đó cần được nêu rõ. Nếu báo cáo tài chính không được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, thì sự kiện này cần được nêu rõ, cùng với cơ sở dùng để lập báo cáo tài chính và lý do khiến cho doanh nghiệp không được coi là đang hoạt động liên tục.

Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán được tối thiểu trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Cơ sở dồn tích:

Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền.



## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của các kỳ kế toán liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc phù hợp không cho phép ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán những khoản mục không thoả mãn định nghĩa về tài sản hoặc nợ phải trả.

- Nguyên tắc nhất quán:

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

a) Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện; hoặc

b) Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong việc trình bày.

Doanh nghiệp có thể trình bày báo cáo tài chính theo một cách khác khi mua sắm hoặc thanh lý lớn các tài sản, hoặc khi xem xét lại cách trình bày báo cáo tài chính. Việc thay đổi cách trình bày báo cáo tài chính chỉ được thực hiện khi cấu trúc trình bày mới sẽ được duy trì lâu dài trong tương lai hoặc nếu lợi ích của cách trình bày mới được xác định rõ ràng. Khi có thay đổi, thì doanh nghiệp phải phân loại lại các thông tin mang tính so sánh cho phù hợp với các quy định của đoạn 30 và phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Khi trình bày báo cáo tài chính, một thông tin được coi là trọng yếu nếu

không trình bày hoặc trình bày thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất của các khoản mục được đánh giá trong các tình huống cụ thể nếu các khoản mục này không được trình bày riêng biệt. Để xác định một khoản mục hay một tập hợp các khoản mục là trọng yếu phải đánh giá tính chất và quy mô của chúng. Tùy theo các tình huống cụ thể, tính chất hoặc quy mô của từng khoản mục có thể là nhân tố quyết định tính trọng yếu. Ví dụ, các tài sản riêng lẻ có cùng tính chất và chức năng được tập hợp vào một khoản mục, kể cả khi giá trị của khoản mục là rất lớn. Tuy nhiên, các khoản mục quan trọng có tính chất hoặc chức năng khác nhau phải được trình bày một cách riêng rẽ.

Nếu một khoản mục không mang tính trọng yếu, thì nó được tập hợp với các khoản đầu mục khác có cùng tính chất hoặc chức năng trong báo cáo tài chính hoặc trình bày trong phần thuyết minh báo cáo tài chính. Tuy nhiên, có những khoản mục không được coi là trọng yếu để có thể được trình bày riêng biệt trên báo cáo tài chính, nhưng lại được coi là trọng yếu để phải trình bày riêng biệt trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của các chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu.

- Nguyên tắc bù trừ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên báo cáo tài chính không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ. Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí chỉ được bù trừ khi:

+ Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác; hoặc

+ Các khoản lãi, lỗ và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch và các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu. Các khoản này cần được tập hợp lại với nhau phù hợp với quy định của chuẩn mực 21.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

Các tài sản và nợ phải trả, các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt. Việc bù trừ các số liệu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc Bảng cân đối kế toán, ngoại trừ trường hợp việc bù trừ này phản ánh bản chất của giao dịch hoặc sự kiện, sẽ không cho phép người sử dụng hiểu được các giao dịch hoặc sự kiện được thực hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.

Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” quy định doanh thu phải được đánh giá theo giá trị hợp lý của những khoản đã thu hoặc có thể thu được, trừ đi tất cả các khoản giảm trừ doanh thu. Trong hoạt động kinh doanh thông thường, doanh nghiệp thực hiện những giao dịch khác không làm phát sinh doanh thu, nhưng có liên quan đến các hoạt động chính làm phát sinh doanh thu. Kết quả của các giao dịch này sẽ được trình bày bằng cách khấu trừ các khoản chi phí có liên quan phát sinh trong cùng một giao dịch vào khoản thu nhập tương ứng, nếu cách trình bày này phản ánh đúng bản chất của các giao dịch hoặc sự kiện đó. Chẳng hạn như :

+ Lãi và lỗ phát sinh trong việc thanh lý các tài sản cố định và đầu tư dài hạn, được trình bày bằng cách khấu trừ giá trị ghi sổ của tài sản và các khoản chi phí thanh lý có liên quan vào giá bán tài sản;

+ Các khoản chi phí được hoàn lại theo thoả thuận hợp đồng với bên thứ ba (ví dụ hợp đồng cho thuê lại hoặc thầu lại) được trình bày theo giá trị thuần sau khi đã khấu trừ đi khoản được hoàn trả tương ứng;

Các khoản lãi và lỗ phát sinh từ một nhóm các giao dịch tương tự sẽ được hạch toán theo giá trị thuần, ví dụ các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá, lãi và lỗ phát sinh từ mua, bán các công cụ tài chính vì mục đích thương mại. Tuy nhiên, các khoản lãi và lỗ này cần được trình bày riêng biệt nếu quy mô, tính chất hoặc tác động của chúng yêu cầu phải được trình bày riêng biệt theo qui định của Chuẩn mực “Lãi, lỗ thuần trong kỳ, các sai sót cơ bản và các thay đổi trong chính sách kế toán”.

- Nguyên tắc có thể so sánh được

Các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ trước. Các thông tin so sánh cần phải bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều này là cần thiết giúp cho những người sử dụng hiểu rõ được báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

Khi thay đổi cách trình bày hoặc cách phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính, thì phải phân loại lại các số liệu so sánh (trừ khi việc này không thể thực hiện được) nhằm đảm bảo khả năng so sánh với kỳ hiện tại, và phải trình bày tính chất, số liệu và lý do việc phân loại lại. Nếu không thể thực hiện được việc phân loại lại các số liệu tương ứng mang tính so sánh thì doanh nghiệp cần phải nêu rõ lý do và tính chất của những thay đổi nếu việc phân loại lại các số liệu được thực hiện.

Việc thuyết minh báo cáo tài chính phải căn cứ vào yêu cầu trình bày thông tin quy định trong các chuẩn mực kế toán. Các thông tin trọng yếu phải được giải trình để giúp người đọc hiểu đúng thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp.

#### **1.1.6 Trách nhiệm lập, kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nộp Báo cáo tài chính**

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC thì trách nhiệm lập, kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nộp Báo cáo tài chính được quy định như sau:

##### **❖ Trách nhiệm lập Báo cáo tài chính**

Tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập và trình bày Báo cáo tài chính năm.

- Công ty, Tổng Công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc, ngoài việc phải lập Báo cáo tài chính năm của Công ty, Tổng Công ty còn phải lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm dựa trên Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán trực thuộc Công ty, Tổng Công ty.

- Đối với các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp niêm yết trên thị

trường chứng khoán còn phải lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ. Các doanh nghiệp khác nếu tự nguyện lập Báo cáo tài chính giữa niên độ thì được lựa chọn dạng đầy đủ hoặc tóm lược.

- Đối với Tổng Công ty Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện bắt đầu từ năm 2009)

- Công ty mẹ và tập đoàn phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (được thực hiện bắt đầu từ năm 2009) và Báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ. Ngoài ra còn phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi hợp nhất kinh doanh theo quy định chuẩn mực kế toán số 11 “Hợp nhất kinh doanh”.

❖ Kỳ lập Báo cáo tài chính

- Kỳ lập Báo cáo tài chính năm

Các doanh nghiệp phải lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập Báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không vượt quá 15 tháng.

- Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính (Không bao gồm quý IV)

- Kỳ lập Báo cáo tài chính khác

Các doanh nghiệp có thể lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác nhau (như tuần, tháng, 6 tháng, 9 tháng...) theo yêu cầu của pháp luật, của Công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu.

Đơn vị kế toán bị chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản phải lập Báo cáo tài chính tại thời

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

điểm chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hợp đồng, phá sản.

❖ Thời hạn nộp Báo cáo tài chính

➤ Đối với doanh nghiệp Nhà nước

Thời hạn nộp báo cáo tài chính quý chậm nhất là 20 ngày đối với các đơn vị kế toán; đối với tổng công ty nhà nước chậm nhất là 45 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày đối với các đơn vị kế toán; đối với tổng công ty nhà nước chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

➤ Đối với các loại hình doanh nghiệp khác

- Đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, đối với các đơn vị kế toán khác, thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày.

- Đơn vị kế toán trực thuộc nộp Báo cáo tài chính năm cho đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do đơn vị kế toán cấp trên quy định.

❖ Nơi nhận Báo cáo tài chính

Các loại doanh nghiệp (4)	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế (2)	Cơ quan thông kê	Doanh nghiệp cấp trên (3)	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, năm	X (1)	X	X	X	X
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	X	X	X	X	X
3. Các doanh nghiệp khác	Năm		X	X	X	X

(1) Đối với các doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lập và nộp Báo cáo tài chính do Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với doanh nghiệp Nhà nước Trung ương còn phải nộp Báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước như: Ngân hàng thương mại, công ty sở xố kiến thiết, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty kinh doanh chứng khoán phải nộp Báo cáo tài chính cho bộ tài chính (Vụ tài chính ngân hàng). Riêng công ty kinh doanh chứng khoán còn phải nộp Báo cáo tài chính cho Ủy ban chứng khoán nhà nước.

(2) Các doanh nghiệp phải gửi Báo cáo tài chính cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế tại địa phương. Đối với các tổng công ty Nhà nước còn phải nộp Báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Tổng cục thuế).

(3) Doanh nghiệp có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp Báo cáo tài chính cho đơn vị kế toán cấp trên. Đối với doanh nghiệp khác có đơn vị kế toán cấp

trên phải nộp Báo cáo tài chính cho đơn vị cấp trên theo đơn vị kế toán cấp trên.

(4) Đối với các doanh nghiệp mà pháp luật quy định phải kiểm toán báo cáo tài chính thì phải kiểm toán trước khi nộp Báo cáo tài chính theo quy định. Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đã được kiểm toán phải đính kèm Báo cáo kiểm toán và Báo cáo tài chính khi nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp cấp trên.

## **1.2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

### **1.2.1 Khái niệm và kết cấu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

#### **❖ Khái niệm**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là Báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp chi tiết theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng là Báo cáo tài chính quan trọng cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau nhằm phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.

#### **❖ Kết cấu**

Theo quyết định số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng-BTC thì Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có kết cấu gồm 5 cột:

- Cột A: Các chỉ tiêu báo cáo.
- Cột B: Mã số của các chỉ tiêu tương ứng
- Cột C: Số hiệu tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện chỉ tiêu trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
- Cột 1: Tổng số phát sinh trong kỳ báo cáo năm.
- Cột 2: Số liệu của năm trước (để so sánh)



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

Sau đây là mẫu biểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị:.....

Mẫu số: B02 – DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/BTC/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm:....

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	01	IV.08		
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10			
4.Giá vốn hàng bán	11			
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20			
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7.Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8.Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 24)	30			
10.Thu nhập khác	31			
11.Chi phí khác	32			
12.Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40			
13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09		
14.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)	60			

Lập, ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **1.2.2. Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Để đảm bảo tính kịp thời và chính xác của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán cần tiến hành các bước công việc sau:

- Kiểm soát các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã cấp nhật vào sổ kế toán chưa, nếu cần hoàn chỉnh tiếp tục việc ghi sổ kế toán (đây là khâu đầu trong việc kiểm soát thông tin kế toán là có thực, vì chứng từ kế toán là bằng chứng, chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh)

- Cộng sổ kế toán các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 để kết chuyển doanh thu, chi phí xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Khoá sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Đối chiếu sự phù hợp về số liệu kế toán giữa các sổ kế toán tổng hợp với nhau, giữa sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết. Nếu thấy chưa phù hợp phải thực hiện điều chỉnh lại số liệu theo nguyên tắc sửa sổ.

- Kiểm kê và lập biên bản xử lý kiểm kê, thực hiện điều chỉnh số liệu trên hệ thống sổ kế toán trên cơ sở biên bản xử lý kiểm kê.

- Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **1.2.3. Nguồn số liệu và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

❖ Nguồn số liệu

- Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước.

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

❖ Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số liệu ghi vào cột 3 “Thuyết minh” của báo cáo này thể hiện số liệu

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

chi tiết của chỉ tiêu này trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

- Số liệu ghi vào cột 5 “ Năm trước” của báo cáo kỳ này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo năm trước.

Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu ghi vào cột 4 “Năm nay” như sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ trong năm báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Có của TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo trên sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản được giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này và lũy kế số phát sinh bên Nợ của Tk 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và Tk 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” đối ứng với bên Có của TK 521 “Chiết khấu thương mại”, TK 531”Hàng bán bị trả lại”, TK 532 “Giảm giá hàng bán”, TK333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” (TK 3331, TK3332, TK3333) trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ đã trừ các khoản giảm trừ (Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực

tiếp) trong kỳ báo cáo làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

$$\text{Mã số 10} = \text{Mã số 01} - \text{Mã số 02}$$

#### 4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá vốn của hàng hoá, BĐS đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối dịch vụ hoàn thành đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có TK 632 “Giá vốn hàng bán” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

#### 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hoá, thành phẩm. BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 20} = \text{Mã số 10} - \text{Mã số 11}$$

#### 6. Doanh thu về hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thuần (Tổng doanh thu Trừ (-) Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (nếu có) liên quan đến hoạt động khác) phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 511 “Doanh thu hoạt động tài chính” đối ứng với bên Có của TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ cái hoặc trên Nhật ký - Sổ cái.

#### 7. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí tài chính, gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền, chi phí hoạt động kinh doanh... phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính” đối ứng với bên Nợ TK 9 11 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

Trong đó: Chi phí lãi vay (Mã số 23) chỉ tiêu này phản ánh chi phí lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào sổ chi tiết TK 635.

8. Chi phí quản lý kinh doanh – Mã số 24

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên có của TK642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”, đối ứng với bên Nợ TK911 trong năm báo cáo trên sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ cái.

9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)

Chỉ tiêu này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24}$$

10. Thu nhập khác (Mã số 31)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác (Sau khi trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp), phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ TK 711 “Thu nhập khác” đối ứng với bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

11. Chi phí khác (Mã số 32)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản chi phí phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 811 “Chi phí khác” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

12. Lợi nhuận khác (Mã số 40)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa thu nhập khác (Sau khi trừ đi thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) với chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng lợi nhuận kế toán thực hiện trong năm báo

cáo của doanh nghiệp trước khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

#### 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp- Mã số 51

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có TK 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" đối ứng với bên Nợ TK 911 trên sổ kế toán chi tiết TK 821, hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 821 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo, (trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết TK 821.

#### 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thuần (hoặc lỗ) sau thuế từ các hoạt động doanh nghiệp.

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - \text{Mã số 51}$$

### **1.3 NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

#### **1.3.1. Mục đích và ý nghĩa, chức năng của việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp**

##### ❖ Khái niệm phân tích Báo cáo tài chính

Phân tích Báo cáo tài chính là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu và so sánh số liệu tài chính hiện hành với quá khứ. Thông qua phân tích Báo cáo tài chính, người sử dụng thông tin có thể đánh giá khả năng tiềm tàng, hiệu quả kinh doanh cũng như những rủi ro tương lai.

Hay nói cách khác phân tích tài chính là quá trình tìm hiểu các kết quả của sự quản lý và điều hành tài chính ở doanh nghiệp được phản ánh trên các Báo cáo tài chính đồng thời đánh giá những gì đã làm được, dự kiến những gì sẽ xảy ra trên cơ sở đó kiến nghị những biện pháp để tận dụng triệt để những điểm mạnh, khắc phục các điểm yếu.

##### ❖ Mục đích của phân tích Báo cáo tài chính

Hoạt động tài chính có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp, và có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Do đó tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh đều có ảnh hưởng đến tình hình tài chính doanh nghiệp.

Ngược lại, tình hình tài chính tốt hay xấu đều có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Vì thế cần phải thường xuyên, kịp thời đánh giá, kiểm tra tình hình tài chính của doanh nghiệp, trong đó công tác phân tích hoạt động kinh tế giữ vai trò quan trọng và có ý nghĩa sau:

- Qua phân tích tình hình tài chính mới đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình phân phối, sử dụng và quản lý các loại vốn, nguồn vốn, vạch rõ khả năng tiềm tàng về vốn của xí nghiệp. Trên cơ sở đó đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giúp doanh nghiệp củng cố tốt hơn hoạt động tài chính của mình.

- Phân tích tình hình tài chính là công cụ không thể thiếu phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính, ngân hàng như: đánh giá tình hình thực hiện các chế độ, chính sách về tài chính của nhà nước, xem xét việc cho vay vốn...

#### ❖ Ý nghĩa của phân tích Báo cáo tài chính

Phân tích tài chính có thể được hiểu như quá trình kiểm tra, xem xét các số liệu tài chính hiện hành và quá khứ, nhằm mục đích đánh giá, dự tính các rủi ro tiềm ẩn trong tương lai phục vụ cho các quyết định tài chính của doanh nghiệp. Mặt khác phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp là để đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của nhiều đối tượng quan tâm đến những khía cạnh khác nhau về tài chính của doanh nghiệp để phục vụ cho những mục đích của mình.

Đối với nhà quản trị doanh nghiệp: Phân tích tình hình tài chính nhằm mục tiêu:

- Tạo thành các chu kỳ đánh giá đều đặn về các hoạt động kinh doanh quá khứ, tiến hành cân đối tài chính, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán,

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

trả nợ, rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

- Định hướng các quyết định của ban giám đốc như: quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia lợi tức, cổ phần...

- Là cơ sở cho các dự báo tài chính: kế hoạch đầu tư, phân ngân sách tiền mặt...

- Là công cụ để kiểm soát các hoạt động quản lý...

Đối với đơn vị chủ sở hữu: Họ cũng quan tâm đến lợi nhuận và khả năng trả nợ, sự an toàn của tiền vốn bỏ ra, thông qua phân tích tình hình tài chính giúp họ đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, khả năng điều hành hoạt động của nhà quản trị để quyết định sử dụng hoặc bãi miễn nhà quản trị, cũng như quyết định việc phân phối kết quả kinh doanh.

Đối với nhà chủ nợ: (Ngân hàng, các nhà cho vay, nhà cung cấp) mối quan tâm của họ hướng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Do đó họ cần chú ý đến tình hình và khả năng thanh toán của đơn vị cũng như quan tâm đến lượng vốn chủ sở hữu, khả năng sinh lời để đánh giá đơn vị có khả năng trả nợ được hay không trước khi quyết định cho vay hay bán chịu sản phẩm cho đơn vị.

Đối với nhà đầu tư trong tương lai: Điều mà họ quan tâm đầu tiên, đó là sự an toàn của lượng vốn đầu tư, kế đó là mức độ sinh lãi, thời gian hoàn vốn. Vì vậy họ cần những thông tin về tài chính, tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp. Do đó họ thường phân tích báo cáo tài chính của đơn vị qua các thời kỳ, để quyết định đầu tư vào đơn vị hay không, đầu tư dưới hình thức nào và đầu tư vào lĩnh vực nào.

Đối với cơ quan chức năng: Như cơ quan thuế, thông qua thông tin trên Báo cáo tài chính xác định các khoản nghĩa vụ đơn vị phải thực hiện đối với Nhà nước, cơ quan thống kê tổng hợp phân tích hình thành số liệu thống kê, chỉ số thống kê...

Vì vậy, thông qua phân tích hoạt động tài chính có thể xem xét các số liệu tài chính hiện hành với quá khứ từ đó người sử dụng thông tin đánh giá



thực trạng tài chính, hiệu quả kinh doanh cũng như rủi ro trong tương lai hoặc triển vọng phát triển của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó có biện pháp hữu hiệu và ra các quyết định cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản lý.

❖ Chức năng của phân tích Báo cáo tài chính

➤ Chức năng đánh giá

Tài chính doanh nghiệp là hệ thống các luồng chuyển dịch giá trị, các luồng vận động của những nguồn lực tài chính trong quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ hoặc vốn hoạt động của doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu kinh doanh trong khuôn khổ của pháp luật.

Chức năng đánh giá của tài chính doanh nghiệp đó là làm rõ những vấn đề sau:

+ Các luồng chuyển dịch giá trị, sự vận động của các nguồn tài chính nảy sinh và diễn ra như thế nào? Nó tác động ra sao đến quá trình kinh doanh, chịu ảnh hưởng của những yếu tố nào? Có gắn với mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp hay không? Có phù hợp với cơ chế chính sách và pháp luật hay không?

+ Quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng vốn hoạt động, các quỹ tiền tệ ở doanh nghiệp diễn ra như thế nào, tác động ra sao đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp...

➤ Chức năng dự đoán

Các doanh nghiệp cho dù đang ở giai đoạn nào trong chu kỳ phát triển thì các hoạt động cũng đều hướng tới mục tiêu nhất định. Những mục tiêu này được hình thành từ nhận thức về điều kiện, năng lực của bản thân cũng như diễn biến của tình hình kinh tế quốc tế, trong nước, ngành nghề và các doanh nghiệp khác cùng loại, sự tác động của các yếu tố kinh tế xã hội trong tương lai.

Chức năng dự đoán tài chính doanh nghiệp là dự đoán sự biến động của các yếu tố đó để có những quyết định phù hợp và tổ chức thực hiện hợp lý, đáp ứng được mục tiêu mong muốn của những đối tượng quan tâm đến

tình hình tài chính của doanh nghiệp trong tương lai.

➤ Chức năng điều chỉnh

Tài chính doanh nghiệp là hệ thống các quan hệ kinh tế tài chính dưới hình thái giá trị phát sinh trong quá trình tiến hành các hoạt động. Hệ thống các quan hệ đó bao gồm nhiều loại khác nhau rất đa dạng, phong phú, và phức tạp, chịu ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân và nhân tố cả bên trong lẫn bên ngoài doanh nghiệp. Hệ thống các quan hệ kinh tế tài chính đó sẽ là bình thường nếu tất cả các mắt xích trong hệ thống đều diễn ra bình thường và đó là sự kết hợp hài hoà các mối quan hệ.

Tuy nhiên, những mối quan hệ kinh tế ngoại sinh, bản thân doanh nghiệp cũng như các đối tượng quan tâm không thể kiểm soát và chi phối toàn bộ. Vì vậy, để kết hợp hài hoà các mối quan hệ, doanh nghiệp, các đối tượng có liên quan phải điều chỉnh các mối quan hệ và nghiệp vụ kinh tế nội sinh.

Muốn vậy, cần nhận thức rõ nội dung, tính chất, hình thức và xu hướng phát triển của các quan hệ kinh tế tài chính có liên quan. Chức năng điều chỉnh của phân tích tài chính doanh nghiệp giúp doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm nhận thức được điều này.

### **1.3.2. Nội dung và phương pháp phân tích Báo cáo tài chính**

❖ Nội dung phân tích Báo cáo tài chính

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước, các doanh nghiệp đều được bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh. Đối với mỗi doanh nghiệp, ngoài chủ doanh nghiệp còn có đối tượng khác quan tâm như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các nhà cho vay...

Chính vì vậy mà việc thường xuyên phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình tài chính doanh nghiệp để đưa ra các biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng, công tác quản lý kinh doanh.

Từ lý luận trên, nội dung phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp sẽ đánh giá đầy đủ nhất và là bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính doanh

nghiệp

Việc phân tích Báo cáo tài chính bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp
- Phân tích việc đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phân tích Bảng cân đối kế toán.
- Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Phân tích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Phân tích thuyết minh báo cáo tài chính
- Phân tích tình hình và khả năng thanh toán.
- Phân tích hiệu quả kinh doanh.
- Phân tích khả năng sinh lợi của hoạt động kinh doanh.
- Phân tích điểm hoà vốn trong kinh doanh.

❖ Phương pháp phân tích Báo cáo tài chính

Để nắm bắt được đầy đủ thực trạng tài chính cũng như tình hình sử dụng hiệu quả và khả năng sinh lợi của hoạt động kinh doanh, cần thiết phải đi sâu xem xét các mối quan hệ và tình hình biến động của các khoản mục trong từng báo cáo tài chính, và giữa các báo cáo tài chính với nhau.

➤ Phân tích theo chiều ngang

Là việc so sánh, đối chiếu tình hình biến động cả về số tuyệt đối và số tương đối trên từng chỉ tiêu của từng báo cáo tài chính.

Phân tích theo chiều ngang các Báo cáo tài chính sẽ làm nổi bật biến động của một khoản mục nào đó qua thời gian và việc phân tích này sẽ làm nổi rõ tình hình đặc điểm về lượng và tỷ lệ cá khoản mục theo thời gian.

Phân tích theo thời gian giúp đánh giá khái quát tình hình biến động của các chỉ tiêu tài chính, từ đó đánh giá tình hình tài chính. Đánh giá đi từ tổng quát đến chi tiết, sau khi đánh giá ta liên kết các thông tin để đánh giá khả năng tiềm tàng và rủi ro, nhận ra những khoản mục nào đó có biến động cần tập trung phân tích xác định nguyên nhân.

Sử dụng phương pháp so sánh bằng số tuyệt đối hoặc bằng số tương

đôi:

Số tuyệt đối:  $Y = Y1 - Y0$

Trong đó :  $Y1$ : Trị số của chỉ tiêu phân tích

$Y0$ : Trị số của chỉ tiêu gốc

Số tương đối:  $T = Y1/Y0 * 100\%$

➤ Phân tích xu hướng

Xem xét xu hướng biến động qua thời gian là một biện pháp quan trọng để đánh giá các tỷ số trở nên xấu đi hay đang phát triển theo chiều hướng tốt đẹp. Phương pháp này được dùng để so sánh một sự kiện kéo dài trong nhiều năm. Đây là thông tin rất cần thiết cho người quản trị doanh nghiệp và nhà đầu tư.

➤ Phân tích theo chiều dọc (phân tích theo qui mô chung)

Là việc sử dụng các tỷ lệ, các hệ số thể hiện mối tương quan giữa các chỉ tiêu trong từng báo cáo tài chính để rút ra kết luận.

Với báo cáo quy mô chung, từng khoản mục trên báo cáo được thể hiện bằng một tỷ lệ kết cấu so với một khoản mục được chọn làm gốc có tỷ lệ là 100%. Sử dụng phương pháp so sánh số tương đối kết cấu (chỉ tiêu bộ phận trên chỉ tiêu tổng thể) phân tích theo chiều dọc giúp chúng ta đưa về một điều kiện so sánh, dễ dàng thấy được kết cấu của từng chỉ tiêu bộ phận so với chỉ tiêu tổng thể tăng giảm như thế nào. Từ đó đánh giá khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp.

➤ Phân tích các chỉ số chủ yếu

Phân tích các chỉ số cho biết mối quan hệ của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính giúp chúng ta hiểu rõ hơn về bản chất và khuynh hướng tài chính của doanh nghiệp. Sau đây là các nhóm chỉ số tài chính chủ yếu được sử dụng phân tích tài chính

- Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính.
- Nhóm chỉ tiêu về tình hình thanh toán và khả năng thanh toán của

doanh nghiệp.

- Nhóm chỉ tiêu về khả năng luân chuyển vốn của doanh nghiệp.
- Nhóm chỉ tiêu về tỷ số sinh lời.

➤ Phương pháp liên hệ - cân đối

Khi tiến hành phân tích chúng ta cần chú ý đến những mối quan hệ, tính cân đối cần thiết và hữu dụng trong quản lý tài chính ở từng thời kỳ, thuyết minh sẽ làm cho việc phân tích tản mạn và không hữu ích.

### **1.3.3. Phương pháp phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh**

#### *1.3.3.1. Phương pháp chung*

##### *1.3.3.1.1. Phương pháp đánh giá kết quả kinh tế*

➤ Phương pháp phân chia các đối tượng và kết quả kinh tế.

- Phương pháp phân chia các đối tượng và kết quả kinh tế theo yếu tố cấu thành

- Phương pháp phân chia các đối tượng và kết quả kinh tế theo địa điểm phát sinh.

- Phương pháp phân chia các đối tượng và kết quả kinh tế theo thời gian.

➤ Phương pháp so sánh

Mục đích

- Qua so sánh người ta biết được kết quả thực hiện của các mục tiêu do đơn vị đặt ra, muốn vậy cần phải so sánh số thực tế và số kế hoạch.

- Qua so sánh người ta biết được nhịp điệu phát triển của các hiện tượng và các kết quả kinh tế thông qua việc so sánh kỳ này với kỳ trước.

- Qua so sánh người ta biết được mức độ tiên tiến hay lạc hậu của từng đơn vị. Muốn vậy cần phải so sánh giữa đơn vị này với đơn vị khác có cùng một loại quy mô và so sánh kết quả của từng đơn vị với kết quả trung bình.

Điều kiện để tiến hành so sánh

- Phải tồn tại ít nhất hai đại lượng hoặc hai chỉ tiêu.

- Các chỉ tiêu, đại lượng khi tiến hành so sánh với nhau phải có cùng nội

dung kinh tế, có cùng tiêu chuẩn biểu hiện.

#### *1.3.3.1.2. Phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố*

##### ➤ Phương pháp thay thế liên hoàn

Nội dung và trình tự của phương pháp thay thế liên hoàn:

- Trước hết phải biết được số lượng các nhân tố ảnh hưởng, mối quan hệ của chúng với chỉ tiêu phân tích.

- Cần sắp xếp các nhân tố theo một trật tự nhất định, xác định nhân tố số lượng đứng trước, nhân tố chất lượng đứng sau. Trường hợp có nhiều nhân tố số lượng cùng chịu ảnh hưởng thì nhân tố chủ yếu đứng trước, nhân tố thứ yếu đứng sau.

- Tiến hành thay thế lần lượt từng nhân tố theo trình tự nói trên. Nhân tố nào thay thế trước sẽ được lấy giá trị thực tế của nó còn nhân tố nào chưa được thay thế sẽ giữ nguyên ở kỳ gốc hay kỳ kế hoạch. Khi thay thế xong một nhân tố phải tính được kết quả cụ thể của từng lần thay đó, lấy kết quả của từng lần thay thực tế trước sẽ tính được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đó.

- Có bao nhiêu nhân tố thì có bấy nhiêu lần thay thế, tổng hợp ảnh hưởng của từng nhân tố phải bằng đối tượng cụ thể phân tích.

Điều kiện áp dụng:

Phương pháp thay thế liên hoàn chỉ áp dụng trong điều kiện các nhân tố ảnh hưởng có quan hệ tích số hoặc thương số hoặc kết hợp cả tích số và thương số.

##### ➤ Phương pháp số chênh lệch

Là một dạng đơn giản của phương pháp thay thế liên hoàn, nó được sử dụng trong trường hợp các nhân tố ảnh hưởng có quan hệ tích số với chỉ tiêu phân tích. Việc thay thế để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố được thực hiện tương tự như thay thế liên hoàn. Nhân tố đứng trước được thay thế trước, nhân tố đứng sau được thay thế sau

##### ➤ Phương pháp cân đối

Khác với phương pháp thay thế liên hoàn, phương pháp số chênh lệch thì phương pháp số cân đối được sử dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố khi chúng có quan hệ tổng số với chỉ tiêu phân tích. Để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố nào đó thì cần tính số chênh lệch giữa thực tế và kế hoạch của nhân tố đó, không liên quan tới nhân tố khác.

➤ Phương pháp hồi quy và tương quan

Phương pháp tương quan là quan sát mối liên hệ giữa một tiêu thức kết quả và một hoặc nhiều nguyên nhân nhưng ở dạng liên hệ thực. Còn hồi quy là một phương pháp xác định độ biến thiên của tiêu thức kết quả theo biến thiên của tiêu thức nguyên nhân. Bởi vậy, hai phương pháp này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và có thể gọi tắt là phương pháp tương quan.

*1.3.3.1.3. Phương pháp phân tích tỷ lệ*

Phương pháp phân tích tỷ lệ được áp dụng phổ biến trong phân tích tài chính vì nó dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Phương pháp tỷ lệ giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích một cách có hệ thống hàng loạt tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục theo từng giai đoạn. Qua đó nguồn thông tin kinh tế và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn. Từ đó cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán một số tỷ lệ như.

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu.
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản
- Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tỷ suất lợi nhuận trên nguyên giá tài sản cố định

Như vậy, phương pháp trên nhằm tăng hiệu quả phân tích. Chúng ta sử dụng kết hợp hoặc sử dụng thêm một số phương pháp bổ trợ khác như: Phương pháp liên hệ, phương pháp loại trừ nhằm tận dụng đầy đủ các ưu điểm của chúng ta để thực hiện mục đích nghiên cứu một cách tốt nhất.

*1.3.3.2. Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dùng để so sánh lợi nhuận thực hiện với lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận của các năm trước. Qua đó, thấy được lợi nhuận từ các hoạt động tăng giảm như thế nào so với kế hoạch và so với các năm trước. Đánh giá tổng quát tình hình thực hiện lợi nhuận của doanh nghiệp có đạt được mức kế hoạch đặt ra hay không và xu hướng phát triển so với các năm trước như thế nào. Đồng thời, ta cũng phải xem xét tỷ trọng về lợi nhuận của từng hoạt động trong tổng lợi nhuận chung của doanh nghiệp để có cái nhìn toàn diện hơn.

### *1.3.3.3. Phân tích một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu*

#### *1.3.3.3.1. Phân tích chỉ tiêu hoạt động*

- **Vòng quay hàng tồn kho:**

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

- **Vòng quay các khoản phải thu:**

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

- **Vòng quay vốn lưu động (Hiệu quả sử dụng vốn lưu động):** Cho biết cứ 100 đồng vốn lưu động bỏ ra trong kỳ tạo được bao nhiêu đồng doanh thu thuần.

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

- **Vòng quay vốn cố định (Hiệu quả sử dụng vốn cố định):** Cho biết cứ 100 đồng vốn cố định bỏ ra trong kỳ tạo được bao nhiêu đồng doanh thu thuần.

$$\text{Vòng quay vốn cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

- **Vòng quay toàn bộ vốn:**

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$



*1.3.3.3.2. Phân tích khả năng sinh lời*

- **Phân tích khả năng sinh lời hoạt động:** Cho biết trong 100 đồng doanh thu thuần thu được trong kỳ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu lợi nhuận.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận} \\ \text{trên doanh thu} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

- **Phân tích khả năng sinh lợi đầu tư:** Cho biết cứ 100 đồng vốn được sử dụng trong kỳ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận} \\ \text{trên vốn sử dụng} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng vốn sử dụng bình quân}}$$

- **Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cố định:** Cho biết cứ 100 đồng vốn cố định được sử dụng trong kỳ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận trên} \\ \text{vốn cố định} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

- **Tỷ suất lợi nhuận trên vốn lưu động:** Cho biết cứ 100 đồng vốn lưu động được sử dụng trong kỳ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận trên} \\ \text{vốn lưu động} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

- **Tỷ suất lợi nhuận trên nguyên giá TSCĐ**: Cho biết cứ 100 đồng TSCĐ sử dụng trong kỳ đem lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên nguyên giá TSCĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Nguyên giá TSCĐ}}$$

- **Phân tích khả năng sinh lời tài chính ( Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu)**: Cho biết cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu được sử dụng trong kỳ đem lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU THỰC PHẨM VIỆT NAM

#### 2.1 Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam

##### 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

###### ❖ Giới thiệu chung về Công ty

Tên công ty	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hương liệu thực phẩm Việt Nam
Tên tiếng anh	Vina Aroma Food Company Limited
Người đại diện	Vũ Văn Tuyên (Giám đốc)
Địa chỉ doanh nghiệp	Khu công nghiệp Đông Sơn, Quốc lộ 10, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Số 527 đường Lê Thị Riêng, phường Thới An, quận 12, TP Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Hà Nội	Số 23/111 đường Cù Chính Lan, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại	+84.(031).3874766 – 574.493 – 574.438
Fax	+84.(031).3574.266
Website	<a href="http://www.vnaroma.com">www.vnaroma.com</a>
Email	: <a href="mailto:info@vnaroma.com">info@vnaroma.com</a>
Mã số thuế	0200566628
Tài khoản ngân hàng	210 5211 000094 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – huyện Thủy Nguyên

❖ Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam là công ty chế biến hương liệu đầu tiên tại Vn, được thành lập vào tháng 7 năm 2003.

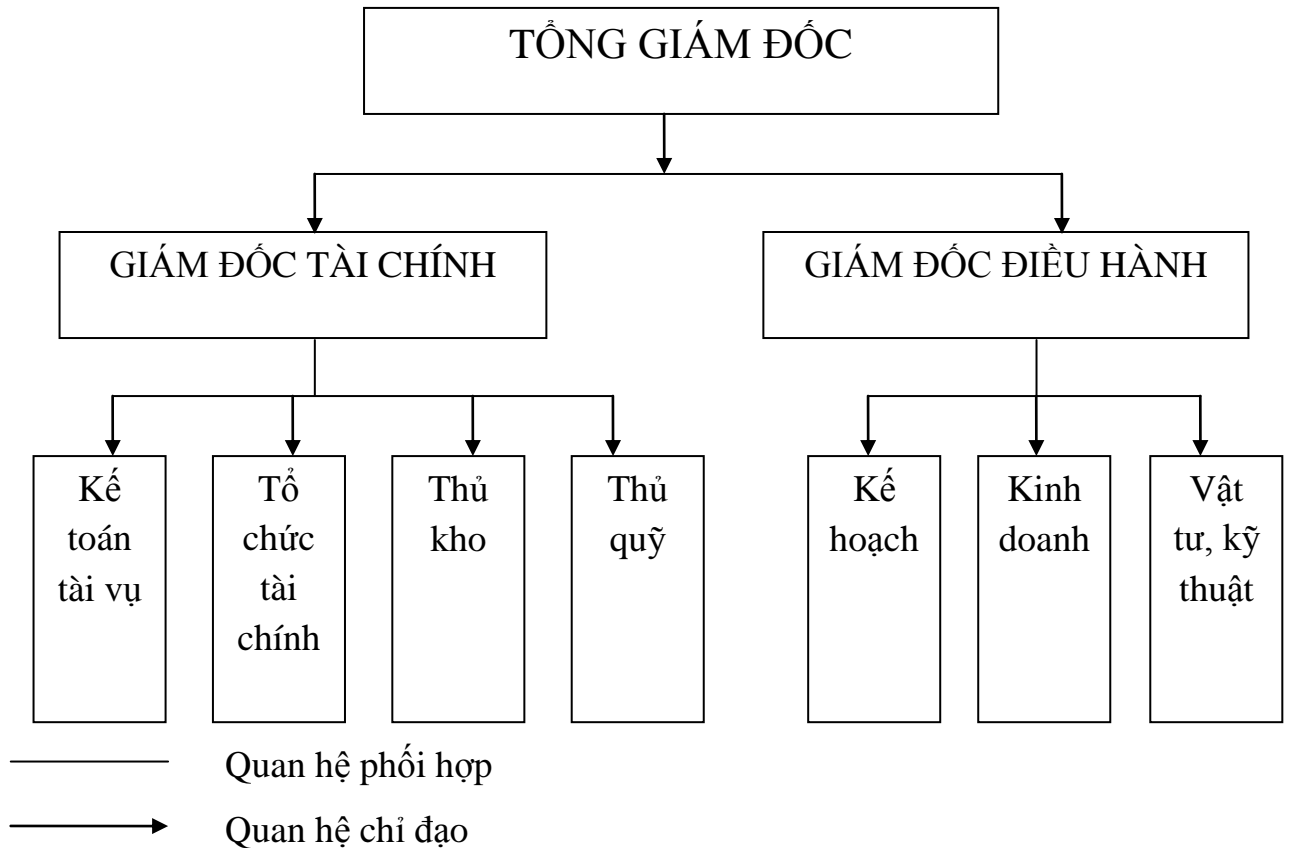
Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam được hợp tác giữa hai quốc gia Việt – Trung, công ty nằm giữa hai khu công nghiệp Đông Sơn – Hải Phòng. Với diện tích mặt bằng gần 30.000m<sup>2</sup>, có đường giao thông thuận lợi nằm trên quốc lộ 10 nối liền hành lang kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh. Công ty có một dây chuyền sản xuất vi song hiện đại gồm 28 chế biến nhập khẩu, với đội ngũ chuyên gia chuyên nghiệp có kinh nghiệm trong ngành “điều chế” với công nghệ Milade ứng dụng vi sinh thực phẩm và nguồn nhiên liệu tự nhiên cung với hệ thống quản lý chất lượng nghiêm ngặt có sự giám sát chặt chẽ của các chuyên gia, sản phẩm của công ty đã đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 cùng loại được tiêu thụ trên toàn quốc, xuất khẩu sang Đông Âu – Đông Nam Á và nhiều quốc gia khác.

❖ Ngành nghề kinh doanh:

Hương liệu và nông sản trong chế biến thực phẩm. Hương liệu gồm có hương bò, hương heo, hương gà, hương tôm, hải sản... Nông sản gồm có: Tỏi, tiêu, ớt, hành lá, cà rốt, đinh hương, gừng lát... được cắt định hình và cả dạng bột.

### 2.1.2 Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành quản lý của Công ty



Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam là công ty TNHH có 3 thành viên, cơ quan cao nhất của công ty của Công ty là Hội đồng thành viên. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc, các giám đốc và các phòng ban.

- *Tổng giám đốc*: Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và các cổ đông Công ty về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh với mục tiêu phát triển không ngừng có lãi. Quyết định các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của Công ty. Quyết định chiến lược kinh doanh, quy mô, sắp xếp bố trí nhân sự. Chỉ đạo điều hành tài chính của Công ty. Phê duyệt nội dung các thủ tục của quyết định quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và HACCP, các sửa đổi bổ sung các hình thức tổ chức đưa vào áp dụng trong Công ty. Huy động mọi nguồn lực phát triển công ty và thực hiện cam kết với

khách hàng, chủ trì các cuộc họp về các vấn đề. Trực tiếp chỉ đạo phòng tổ chức, phòng kinh doanh và phòng hành chính. Có quyết định cao nhất về mọi hoạt động của công ty.

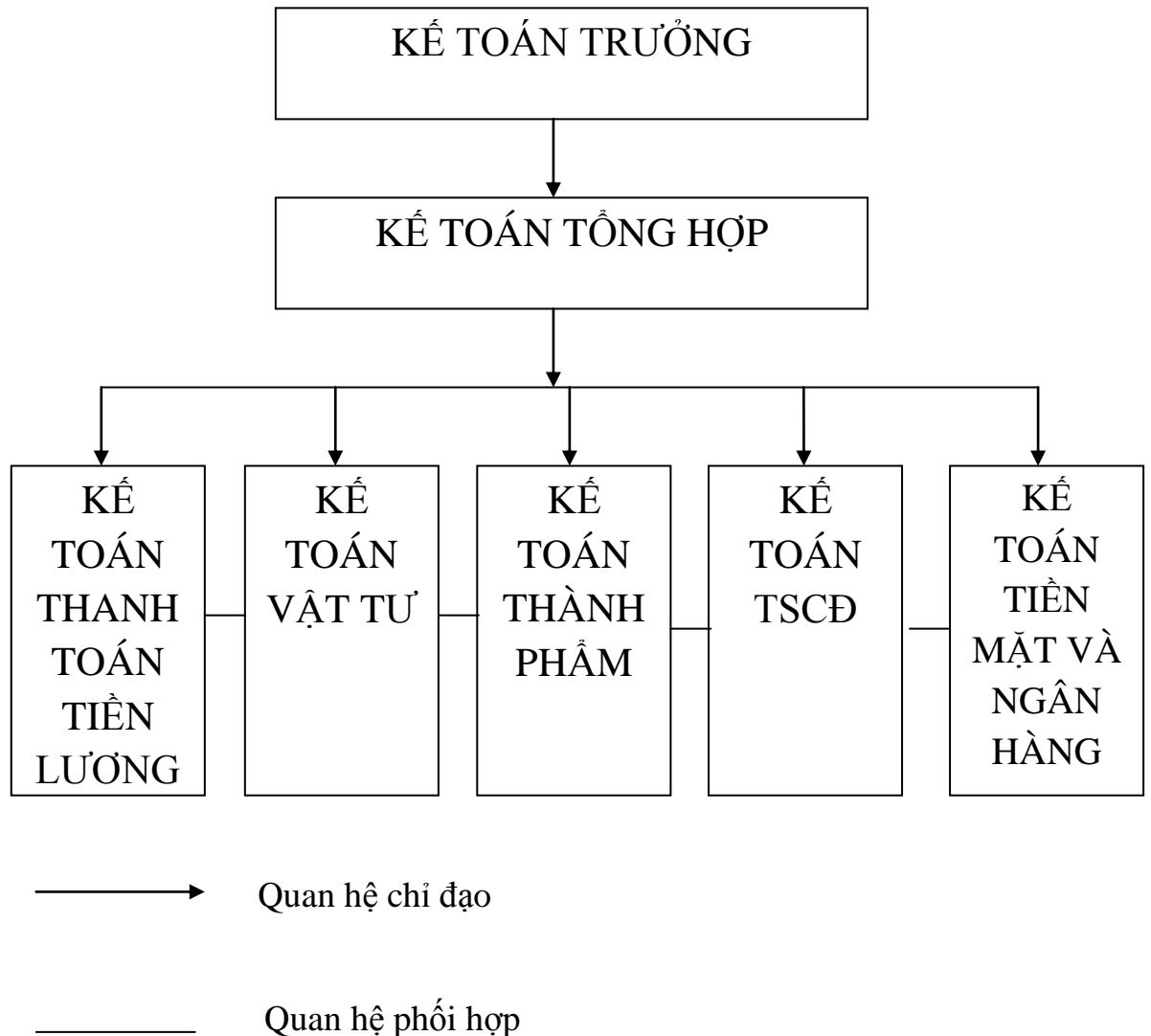
- *Giám đốc điều hành*: Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về toàn bộ công tác sản xuất kinh doanh, đảm bảo chất lượng sản xuất theo yêu cầu của khách hàng. Kiểm tra sự phối hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh giữa các phân xưởng sản xuất về tính đồng bộ và tiến độ kế hoạch. Chỉ đạo và giám sát các hoạt động của công ty và do Tổng giám đốc bổ nhiệm. Được ký kết hợp đồng kinh tế theo sự ủy quyền của Tổng giám đốc. Được quyết định mọi vấn đề liên sản phẩm và trách nhiệm trong phạm vi được Tổng giám đốc giao.

- *Giám đốc tài chính*: Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về công tác tổ chức và hành chính quản trị. Xây dựng các đề án tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện cán bộ công nhân viên và an ninh trật tự của công ty và trách nhiệm được Tổng giám đốc bổ nhiệm. Thay mặt Tổng giám đốc truyền đạt mệnh lệnh đến các phòng ban khi được ủy quyền. Chuẩn bị tài liệu đánh giá năng lực của cán bộ công nhân viên hàng năm.

- *Phòng kế toán và các phòng ban khác*: Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn vốn của công ty và kế hoạch khai thác nguồn vốn có hiệu quả. Thực hiện nhiệm vụ các phòng ban khác giao.

### 2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



Phòng kế toán gồm 7 người thực hiện từng phần hành khác nhau :

- *Kế toán trưởng (trưởng phòng)*: Phụ trách chung và chịu trách nhiệm trước pháp lý về mọi hoạt động của phòng sao cho phù hợp với luật định. Về cụ thể là có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán trên cơ sở xác định đúng khối lượng công tác kế toán nhằm thực hiện hai nhiệm vụ kế toán là thông tin và kiểm tra hoạt động kinh doanh, điều hành và kiểm soát hoạt động của bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm vụ về nhiệm vụ chuyên môn kế toán, tài chính của đơn vị và là người giúp việc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho giám đốc.

- *Kế toán tổng hợp( phó phòng)*: Tổng hợp số liệu kế toán, đưa ra thông tin cuối cùng trên cơ sở số liệu phản ánh trên sổ chi tiết của kế toán của các phân hành khác cung cấp. Kế toán tổng hợp tiến hành tập hợp và phân bổ chi phí, tập hợp các số liệu liên quan để ghi sổ tổng hợp và lập báo cáo kế toán. Báo cáo tài chính là cơ sở để công ty công khai tình hình tái chính và báo cáo với Tổng công ty. Ngoài ra kế toán tổng hợp của công ty còn đảm nhiệm công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- *Kế toán nguyên vật liệu*: theo dõi chi tiết, tổng hợp tình hình xuất nhập tồn kho nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ theo từng kho. Do đặc điểm sản phẩm sản xuất công ty đòi hỏi nhiều chủng loại vật tư khác nhau lên công tác vật liệu rất lớn do đó một số công việc của kế toán vật tư được kế toán tiền lương thực hiện.

- *Kế toán tiền lương*: thực hiện tính tiền lương trên cơ sở đơn giá tiền lương do phòng tổ chức lao động tiền lương gửi lên, hạch toán tiền lương và trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định, thanh toán lương, phụ cấp cho công nhân trong công ty.

- *Kế toán thành phẩm và tiêu thụ*( kiêm kế toán thanh toán với khách hàng và nhà cung cấp): theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho của thành phẩm trên cơ sở các chứng từ, xác định kết quả kinh doanh theo dõi thuế giá trị gia tăng đầu ra.

- *Kế toán tiền mặt và tiền gửi*: thực hiện công tác giao dịch với ngân hàng để huy động vốn, mở tài khoản tiền gửi tiền vay, tiến hành các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, các hoạt động nhập xuất căn cứ vào các phiếu thu và phiếu chi, kiêm thủ quỹ bảo quản tiền mặt của công ty.

- *Kế toán tài sản cố định*: đảm nhiệm công tác ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tăng giảm TSCĐ( thanh lý, mua mới, trích khấu hao TSCĐ)

#### **2.1.4 Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

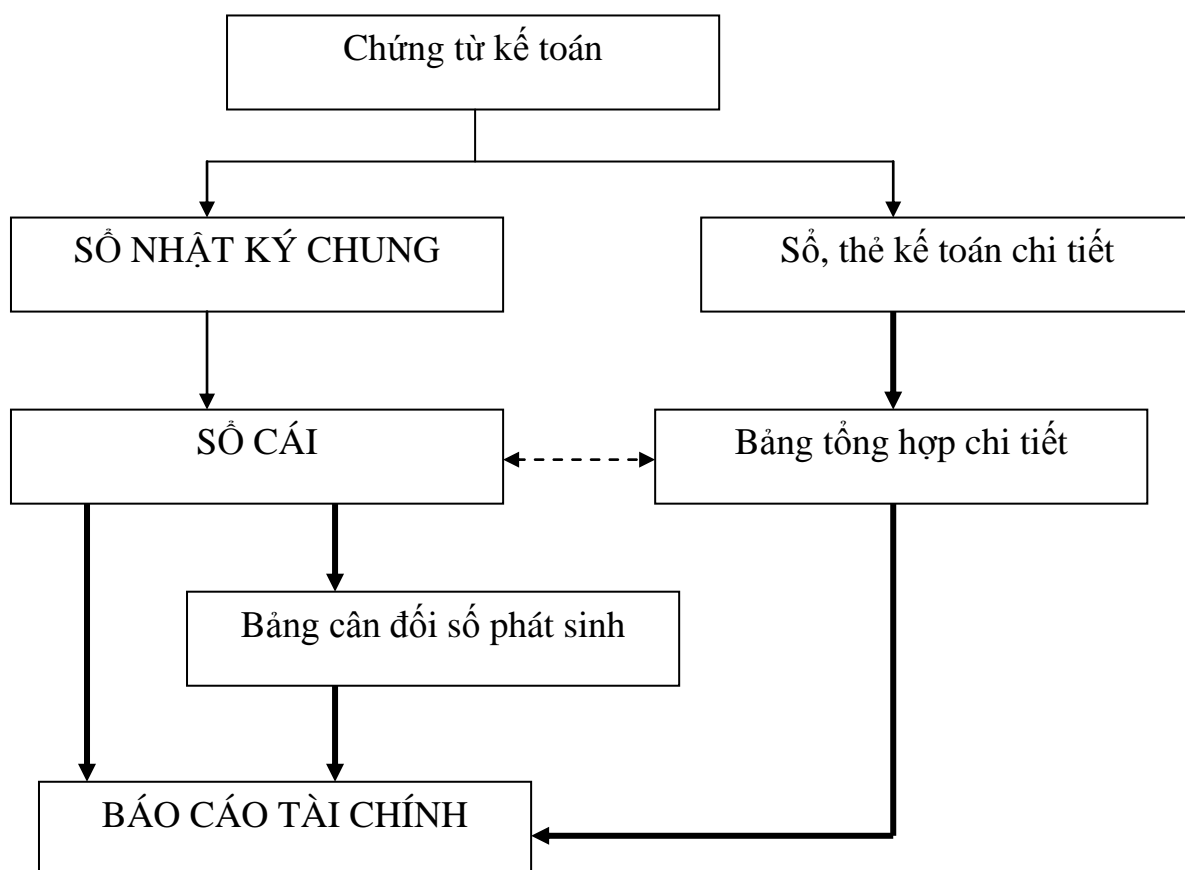
---

nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi vào phòng tài chính kế toán kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán áp dụng chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán “ Nhật ký chung” . Với hình thức này kế toán sử dụng những sổ sách kế toán theo biểu mẫu chung, đó là Sổ nhật ký chung, Sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

***Hình thức kế toán Nhật ký chung***



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Thuyết minh sơ đồ:

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

## ***2.2 Thực tế công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam***

### ***2.2.1 Một số công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty***

Hiện tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Để tiến hành lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thì kế toán tổng hợp Công ty phải có các bước chuẩn bị như sau:

+ Kiểm soát các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã cập nhật vào sổ kế toán chưa, nếu cần hoàn chỉnh tiếp tục việc ghi sổ kế toán. Đây là khâu đầu trong việc kiểm soát thông tin kế toán là

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

có thực, vì chứng từ kế toán là bằng chứng, chứng minh các nghiệp vụ phát sinh

+ Cộng sổ kế toán các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 để kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Vì các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ mà chỉ có số phát sinh, vậy nên kế toán phải tiến hành kết chuyển số phát sinh của tài khoản loại này trước khi khóa sổ.

+ Khóa Sổ kế toán tổng hợp và Sổ kế toán chi tiết. Sau khi kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về tính có thật, chính xác, thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian cần thiết thì kế toán sẽ tiến hành khóa sổ kế toán

+ Đối chiếu sự phù hợp về số liệu kế toán giữa các Sổ tổng hợp với nhau, giữa Sổ kế toán tổng hợp với Sổ kế toán chi tiết. Nếu thấy chưa phù hợp phải thực hiện điều chỉnh lại số liệu theo nguyên tắc sửa sổ.

+ Kiểm kê và lập biên bản xử lý kiểm kê, thực hiện điều chỉnh số liệu trên hệ thống sổ kế toán trên cơ sở biên bản xử lý kiểm kê.

+ Tiến hành lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

**Mẫu biểu 2.1**

Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam

Quốc lộ 10, KCN Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Năm: 2012

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ / Số hiệu: 511

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	F	1	2
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
02/01	0001 196	02/01	Xuất bán Bột ớt BO- 2500QT	131		157.920.000
03/01	0001 197	03/01	Xuất bán Bột hành nướng BHN-701A	131		110.000.000
...			...			
23/04	0002 169	23/04	Xuất bán Bột thịt gà BG-80624A	131		59.000.000
25/04	0002 172	25/04	Xuất bán Bột tôm BT- 71018	131		150.000.000
...			...			
12/09	0002 191	12/09	Xuất bán Bột hương bò nướng BB-70405	131		25.260.000
15/09	0002 193	15/09	Xuất bán Bột bí đỏ nguyên chất	131		87.600.000
...			...			
20/12	0002 248	20/12	Xuất bán Ớt cánh	131		163.200.000
23/12	0002 250	23/12	Xuất bán Bột xì dầu	131		80.600.000
...			...			
31/12	PKT 11	31/12	Kết chuyển doanh thu 511 sang 911	911	21.856.548.351	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>21.856.548.351</b>	<b>21.856.548.351</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

( Trích Sổ cái 511- Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

**Mẫu biểu: 2.2**

Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam

Quốc lộ 10, KCN Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng

## SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán/Số hiệu: 632

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	F	1	2
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		...	
02/01	0001 196	02/01	Giá vốn Bột ớt BO- 2500QT	155	136.838.600	
04/01	0001 199	04/01	Giá vốn Bột thịt gà BG- 80624A	157	58.938.000	
...			...			
23/04	0002 169	23/04	Giá vốn Bột thịt gà BG- 80624A	155	45.605.205	
25/04	0002 172	25/04	Giá vốn Bột tôm BT- 71018	155	135.807.200	
...			...			
12/09	0002 191	12/09	Giá vốn Bột hương bò nướng BB-70405	155	23.922.627	
14/09	0002 192	14/09	Giá vốn Bột hành nướng BHC- 701A	157	95.514.022	
...			...			
20/12	0002 248	20/12	Giá vốn Ốt cánh	155	139.090.000	
23/12	0002 250	23/12	Giá vốn Bột xì dầu	155	67.349.040	
...			...			
31/12	PKT 12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán 632 sang 911	911		19.058.712.677
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>19.058.712.677</b>	<b>19.058.712.677</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

(Trích Sổ cái 632- Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

**Mẫu biểu 2.3**

Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam  
Quốc lộ 10, KCN Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải  
Phòng

**SỔ CÁI**

Năm: 2012

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính / Số hiệu: 515

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	F	1	2
			Số dư đầu kỳ		...	
31/12	P12/ 33	31/12	Lãi nhập vốn	112		1.239.600
31/12	P12/ 34	31/12	Lãi TGNH	112		1.474.394
...			....			
31/12	PKT 13	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính 515 sang 911	911	78.642.823	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>78.642.823</b>	<b>78.642.823</b>
			Số dư cuối kỳ			

(Trích Sổ cái 515- Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

**Mẫu biểu 2.4**

Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam  
Quốc lộ 10, KCN Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải  
Phòng

**SỔ CÁI**

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí tài chính /Số hiệu: 635

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	F	1	2
			Số dư đầu kỳ		...	
30/10	P10/ 19	30/10	Trả lãi vay ngắn hạn	112	12.484.000	
31/12	P12/ 23	31/12	Trả lãi vay	112	91.949.020	
...						
31/12	PKT 14	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 635 sang 911	911		4.019.707.537
			<b>Cộng phát sinh cuối kỳ</b>		<b>4.019.707.537</b>	<b>4.019.707.537</b>
			Số dư cuối kỳ			

(Trích Sổ cái 635 - Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

**Mẫu biểu 2.5**

Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam  
Quốc lộ 10, KCN Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải  
Phòng

**SỔ CÁI**

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh /Số hiệu: 642

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	F	1	2
			Số dư đầu kỳ		...	
...			...			
07/12	PC12 /04	07/1 2	Mua hóa đơn GTGT 3L	111	200.000	
12/12	PC12 /12	12/1 2	Chi mua giấy photo	111	1.200.000	
23/12	0001 245	23/1 2	Cước vận chuyển hàng HP-HCM	331	18.110.000	
...			...			
31/12	PKT 15	31/1 2	Kết chuyển chi phí kinh doanh 642 sang 911	911		1.832.016.858
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.832.016.858</b>	<b>1.832.016.858</b>
			Số dư cuối kỳ			

(Trích Sổ cái 642 - Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

**Mẫu biểu 2.6**

Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam  
Quốc lộ 10, KCN Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải  
Phòng

**SỔ CÁI**

Năm: 2012

Tên tài khoản: Thu nhập khác /Số hiệu: 711

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	F	1	2
			Số dư đầu kỳ		...	
10/11	PT12/ 11	10/11	Thu nhập khác	111		5.829.000
22/12	PT12/ 09	22/12	Thu từ thanh lý TSCĐ	111		12.000.000
...			...			
31/12	PKT 16	31/12	Kết chuyển thu nhập khác 711 sang 911	911	24.490.767	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>24.490.767</b>	<b>24.490.767</b>
			Số dư cuối kỳ			

(Trích Sổ cái 711- Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

**Mẫu biểu 2.7**

Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam  
Quốc lộ 10, KCN Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải  
Phòng

**SỔ CÁI**

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí khác /Số hiệu: 811

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	F	1	2
			Số dư đầu kỳ		...	
07/10	PC10 /14	07/1 0	Bồi thường hợp đồng khách hàng	111	15.870.000	
22/12	PC12 /09	22/1 2	Chi phí thanh lý TSCĐ	111	5.928.000	
...			...			
31/12	PKT 17	31/1 2	Kết chuyển chi phí khác 811 sang 911	911		280.246.581
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>280.246.581</b>	<b>280.246.581</b>
			Số dư cuối kỳ			

(Trích Sổ cái 811- Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

Mẫu biểu 2.8:

Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam  
Quốc lộ 10, KCN Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng

## SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh /Số hiệu: 911

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	F	1	2
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		...	
31/12	PKT 11	31/12	Kết chuyển doanh thu 511 sang 911	911		21.856.548.351
31/12	PKT 13	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính 515 sang 911	911		78.642.823
31/12	PKT 16	31/12	Kết chuyển thu nhập khác 711 sang 911	911		24.490.767
31/12	PKT 12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán 632 sang 911	911	19.058.712.677	
31/12	PKT 14	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 635 sang 911	911	4.019.707.537	
31/12	PKT 15	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh 642 sang 911	911	1.832.016.858	
31/12	PKT 17	31/12	Kết chuyển chi phí khác 811 sang 911	911	280.246.581	
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển lỗ 911	421		3.231.001.712
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>25.190.683.653</b>	<b>25.190.683.653</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

(Trích Sổ cái 911 - Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán tổng hợp chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh năm 2012  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.**

	632	911	511
	19.058.712.677	19.058.712.677	21.856.548.351
		→ 19.058.712.677	← 21.856.548.351
635	4.019.707.537		78.642.823
		→ 4.019.707.537	← 78.642.823
642	1.832.016.858	1.832.016.858	24.490.767
		→ 1.832.016.858	← 24.490.767
811	280.246.581	280.246.581	3.231.001.712
		→ 280.246.581	← 3.231.001.712
			421

### ***2.2.2. Phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam***

- Công ty tiến hành lập Báo cáo tài chính theo năm nên để lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 kế toán công ty phải căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011.

- Căn cứ vào Sổ kế toán tổng hợp trong kỳ dùng cho các Tài khoản từ loại 5 đến loại 9

- “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất

- Số hiệu ghi vào cột 3 “Thuyết minh” của Báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

- Số hiệu ghi vào cột 5 “Năm trước” của Báo cáo tài chính năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước”.

- Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu ở cột 4 “Năm nay” như sau:

#### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Mã số 01**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

Trong năm 2012, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp phát sinh trên sổ Cái với giá trị là 21.856.548.351 đồng.

Mã số 01= 21.856.548.351

#### **2. Các khoản giảm trừ doanh thu - Mẫu số 02**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Nợ TK511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” đối ứng với bên có TK521 “Các khoản giảm trừ doanh thu” TK333 “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” (TK 3332, 3333) trong năm báo cáo trong sổ cái.

Trong năm 2012, doanh nghiệp không phát sinh.

#### **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Mã số 10**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số phát sinh bên nợ của TK511 “Doanh

thu bán hàng và cung cấp dịch vụ' đối ứng với bên có TK911 "Xác định kết quả kinh doanh" của năm báo cáo.

$$\begin{aligned}\text{Mã số 10} &= \text{Mã số 01} - \text{Mã số 02} \\ &= 21.856.548.351 - 0 \\ &= 21.856.548.351\end{aligned}$$

#### **4. Giá vốn hàng bán - Mã số 11**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

Trong năm 2012, giá vốn hàng bán của doanh nghiệp phát sinh trên sổ Cái với giá trị là 19.058.712.677 đồng.

$$\text{Mã số 11} = 19.058.712.677$$

#### **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Mã số 20**

$$\begin{aligned}\text{Mã số 20} &= \text{Mã số 10} - \text{Mã số 11} \\ &= 21.856.548.351 - 19.058.712.677 \\ &= 2.797.835.674\end{aligned}$$

#### **6. Doanh thu hoạt động tài chính - Mã số 21**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Nợ tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính" đối ứng với bên Có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

Trong năm 2012, doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp phát sinh trên sổ Cái với giá trị là 78.642.823 đồng.

$$\text{Mã số 21} = 78.642.823$$

#### **7. Chi phí tài chính - Mã số 22**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 635 "Chi phí tài chính" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

$$\text{Chi phí lãi vay - Mã số 23}$$

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào Sổ kế toán chi tiết tài

khoản 635 "Chi phí tài chính".

Trong năm 2012, chi phí tài chính của doanh nghiệp phát sinh trên sổ cái với giá trị là 4.019.707.537 đồng.

$$\text{Mã số 22} = 4.019.707.537$$

### **8. Chi phí quản lý kinh doanh- Mã số 24**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên có của TK642 "Chi phí quản lý kinh doanh", đối ứng với bên Nợ TK911 trong năm báo cáo trên sổ cái.

Trong năm 2012, chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp phát sinh trên sổ cái với giá trị là 1.832.016.858 đồng.

$$\text{Mã số 24} = 1.832.016.858$$

### **9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - Mã số 30**

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} .$$

$$= 2.797.835.674 + (78.642.823 - 4.019.707.537) - 1.832.016.858$$

$$= - 2.975.245.898$$

### **10. Thu nhập khác - Mã số 31**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Nợ tài khoản 711 "Thu nhập khác" đối ứng với bên Có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

Trong năm 2012, thu nhập khác của doanh nghiệp phát sinh trên sổ cái với giá trị là 24.490.767 đồng.

$$\text{Mã số 31} = 24.490.767$$

### **11. Chi phí khác –Mã số 32**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 811 "Chi phí khác" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

Trong năm 2012, chi phí khác của doanh nghiệp phát sinh trên sổ cái với giá trị là 280.246.581 đồng.

$$\text{Mã số 32} = 280.246.581$$

### **12.Lợi nhuận khác – Mã số 40**

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32} = - 255.755.814$$

**13. Tổng lợi nhuận trước thuế - Mã số 50**

$$\begin{aligned}\text{Mã số 50} &= \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40} \\ &= (-2.975.245.898) + (-255.755.814) \\ &= -3.231.001.712\end{aligned}$$

**14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Mã số 51**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có TK 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" đối ứng với bên Nợ TK 911 trên sổ kế toán chi tiết TK 821, hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 821 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo, (trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)) trên sổ kế toán chi tiết TK 821.

$$\text{Mã số 51} = 0$$

**15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp – Mã số 60**

$$\text{Mã số 60} = -3.231.001.712$$

Sau đây là *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam*



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

**Mẫu biểu 2.8**

**Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam**

**Mẫu số: B02-DNN**

Quốc lộ 10, KCN Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-  
BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng

BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thu yết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.0 8	21.856.548.351	13.455.828.687
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		21.856.548.351	13.455.828.687
4.Giá vốn hàng bán	11		19.058.712.677	12.849.955.563
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		2.797.835.674	604.873.124
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		78.642.823	43.829.519
7.Chi phí tài chính	22		4.019.707.537	758.903.820
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.019.707.537	755.692.002
8.Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.832.016.858	1.442.233.786
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		(2.975.245.898)	(1.551.434.963)
10.Thu nhập khác	31		24.490.767	4.678.066
11.Chi phí khác	32		280.246.581	4.582.829
13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(255.755.814)	95.237
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.0 9	(3.231.001.712)	(1.551.339.726)
15.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
16.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(3.231.001.712)	(1.551.339.726)

**2.3 Thực tế phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty**

### **TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam**

- Sau mỗi năm tài chính Công ty thường tiến hành phân tích Báo cáo tài chính trong đó có Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Thông qua việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giúp cho ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

- Việc phân tích tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam vẫn chưa được chú trọng lắm. Việc so sánh mới dừng ở việc so sánh lợi nhuận của 2 năm tài chính liền so sánh với nhau.

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	So sánh năm 2012 với năm 2011	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
1. Tổng doanh thu	21.959.681.941	13.504.336.272	8.455.345.670	62,6%
2. Tổng chi phí	24.910.437.072	15.150.093.169	9.760.343.910	64,4%
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thuế	(3.231.001.712)	(1.551.339.726)	(1.679.661.986)	108,27%

Qua bảng số liệu ta thấy:

+ Tổng doanh thu năm 2012 so với năm 2011 giảm 8.455.345.670đ tương ứng với tỷ lệ giảm 62,6%

+ Tổng chi phí (gồm cả giá vốn) năm 2012 so với năm 2011 giảm 9.760.343.910 đ tương ứng với tỷ lệ giảm 64,4%

+ Mặc dù doanh thu năm 2012 giảm so với năm 2011, nhưng tốc độ giảm của doanh thu vẫn nhỏ hơn tốc độ giảm của chi phí. Điều này làm cho lợi nhuận của Công ty giảm 1.679.661.986đ tương ứng với tỷ lệ là 108,27%.

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU THỰC PHẨM VIỆT NAM

### 3.1 NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN

#### 3.1.1 Ưu điểm

Ban lãnh đạo công ty đã áp dụng mô hình quản lý gọn nhẹ hiệu quả phù hợp với đặc điểm quản lý, hạch toán sản xuất kinh doanh, nhằm khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn nhân lực hiện có.

Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng theo nguyên tắc quan hệ trực tuyến từ giám đốc công ty đến các phòng ban, phân xưởng, cửa hàng tạo điều kiện cho việc dễ phân công, phân nhiệm và giám đốc có thể giám sát được toàn bộ các hoạt động của công ty.

Kế toán công ty là những người có kinh nghiệm có tinh thần trách nhiệm điều này giúp cho việc lập báo cáo kết quả kinh doanh có độ chính xác cao.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 đã phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí, phát sinh theo đúng chế độ tài chính. Các tài khoản đảm bảo ghi đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành.

Công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán: Công ty đã thực hiện việc hạch toán và mở sổ sách kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, cũng như quy định pháp lý có liên quan, phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình kinh doanh.

- Về tổ chức kế toán doanh thu và thu nhập.

Trải qua một quá trình đổi mới và phát triển công ty đã hoàn thành dần công tác hạch toán của mình. Công ty là một đơn vị nắm bắt nhanh chóng các thông tin kinh tế và những thay đổi về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch

toán kế toán được áp dụng theo quy định mới của Bộ Tài Chính.

Kế toán doanh thu đã biết gắn liền với tình hình kinh doanh của công ty với những quy định hạch toán trong doanh thu, luôn phản ánh chính xác kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo tính thống nhất và nhịp nhàng trong hệ thống hạch toán kế toán tại công ty.

Việc hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện linh hoạt, mỗi vụ việc do một kế toán đảm nhận.

- Về tổ chức kế toán chi phí

Như chúng ta đã biết chi phí kinh doanh là một vấn đề mà hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn tìm mọi cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi không mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi cụ thể để có thể theo dõi một cách chặt chẽ. Đáp ứng kịp thời, chính xác theo yêu cầu quản lý.

Việc theo dõi chi tiết cho từng nghiệp vụ, từng phân xưởng phòng ban đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu, tài liệu công tác đối chiếu chứng từ số liệu trong công ty được dễ dàng hơn. Qua đó đáp ứng được nhu cầu quản lý trong môi trường cạnh tranh.

Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ đều được phản ánh kịp thời, theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Kế toán phản ánh chi tiết các chi phí phát sinh vào tài khoản chi tiết, thuận lợi cho việc kiểm tra và tính toán phân bổ chi phí hợp lý.

- Về công tác lập báo cáo kết quả kinh doanh

Công tác hạch toán doanh thu và chi phí một cách nhanh chóng và kịp thời và dưới sự trợ giúp của máy vi tính việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh dễ dàng và nhanh chóng hơn.

### **3.1.2 Những vấn đề còn tồn tại**

#### **3.1.2.1 Những hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty**

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt

Nam, được đi sâu tìm hiểu thực tế công tác hạch toán các nghiệp vụ kế toán tại Công ty, em thấy: Về cơ bản kế toán của Công ty đã đảm bảo tuân thủ đúng chế độ hiện hành, phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty, cũng như đáp ứng được nhu cầu quản lý. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán còn tồn tại một số vướng mắc sau:

- Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí của công ty tương đối hoàn chỉnh song việc xác định kết quả kinh doanh chưa thật sự chi tiết và phản ánh rõ đặc thù tình hình khi doanh thu của doanh nghiệp được tạo ra từ bao nguồn, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, doanh thu khác. Lợi nhuận đem lại cho doanh nghiệp từ các hoạt động này chênh nhau khá lớn, do đó cần phải làm chi tiết hơn, rõ ràng hơn về vấn đề liên quan tới vấn đề này. Để từ đó Giám đốc công ty có thể đưa ra những định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các khoản thu chi và các hoạt động với nhau nhằm tối đa hoá lợi nhuận một cách tốt nhất.

- Về hạch toán công nợ: Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên, mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm dẫn đến tình trạng bị chiếm dụng vốn. Việc thu hồi nợ của công ty gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến vốn kinh doanh của doanh nghiệp, làm cho vòng quay vốn chậm lại, gây ứ đọng vốn. Công ty đã để cho các đơn vị khác chiếm dụng vốn trong khi công ty đang thiếu vốn.

- Công tác kiểm kê tài sản cố định chưa được doanh nghiệp quan tâm đúng mức, trong khi đó tài sản cố định của công ty chiếm một khối lượng lớn trong nguồn vốn. Điều này đã dẫn đến sự thiếu chính xác trong việc trích khấu hao, sửa chữa, mua sắm các khoản chi phí phát sinh trong kỳ của công ty.

### *3.1.2.2 Những hạn chế trong công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Năm 2012 về cơ bản công ty đã áp dụng chế độ kế toán và lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành (QĐ48/2006 ngày 14/09/2006) của BTC

ban hành phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên trong quá trình lập báo cáo tài chính nó chung cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng công ty còn tồn tại một số hạn chế sau :

- Khi lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kế toán công ty không tiến hành so sánh, đối chiếu giữa sổ chi tiết và sổ cái, sổ tổng hợp dẫn đến việc có thể có những thiếu sót và sai số trong quá trình hạch toán kế toán, kế toán chỉ căn cứ vào sổ cái và bảng cân đối số phát sinh.

- Về phân công nhiệm vụ người lập báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng của công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam em thấy không tuân theo quy định của nhà nước. Báo cáo tài chính năm, hợp nhất, tổng hợp phải do kế toán trưởng hay trưởng phòng kế toán lập và trực tiếp ký duyệt, nhưng tại công ty công việc lập báo cáo lại do một người khác là kế toán thuê lập sau đó đưa báo cáo sang cho trưởng phòng kế toán ký duyệt như vậy phân công nhiệm vụ người lập báo cáo không theo quy định của nhà nước. Hàng năm công ty chỉ tiến hành lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm mà chưa áp dụng việc lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo này là căn cứ quan trọng để các nhà quản trị công ty làm cơ sở ra quyết định trong quá trình hoạt động kinh doanh.

### *3.1.2.3 Những hạn chế trong công tác phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.*

Tầm quan trọng của việc phân tích kết quả hoạt động kinh doanh thì hầu như doanh nghiệp nào cũng nhận ra điều đó. Nhưng thực tế, đi sâu vào phân tích Báo cáo tài chính của doanh nghiệp mình thì thực tế hiện nay các doanh nghiệp vẫn chưa coi trọng lắm. Và vấn đề đó thường chỉ dành cho các nhà phân tích tài chính, một số cơ quan ban ngành quan tâm. Hiện tại cho thấy hầu hết các công ty vẫn chưa thành lập một bộ phận phân tích tình hình tài chính công ty thông qua việc phân tích Báo cáo tài chính để từ đó có những kiến nghị nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty

Thực tế phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty mới chỉ dừng lại ở việc so sánh lợi nhuận hai năm tài chính với nhau. Công ty chưa tiến hành đưa ra các chỉ tiêu tài chính như: chỉ tiêu hoạt động, chỉ tiêu sinh lời vào phân tích Báo cáo tài chính để thấy rõ hơn bức tranh tài chính của doanh nghiệp mình. Để từ đó có thể có những chiến lược, cải thiện tốt hơn cho tình hình kinh tế - tài chính của doanh nghiệp mình.

Thực tế cho thấy tại Công ty, việc phân tích Báo cáo tài chính trong đó có Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do kế toán trưởng kiêm nhiệm. Công ty chưa tổ chức một bộ phận riêng chuyên phân tích tình hình tài chính công ty thông qua Báo cáo tài chính.

Bên cạnh đó tài liệu phục vụ phân tích còn hạn chế nên hiệu quả phân tích chưa cao.

## **3.2 NHỮNG KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU THỰC PHẨM VIỆT NAM**

### ***3.2.1 Công tác kế toán tại công ty***

Công ty nên tổ chức kiểm kê tài sản, việc mua sắm, sửa chữa tài sản phải được kiểm soát chặt chẽ, giảm bớt chi phí tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phòng kinh doanh cần phải đôn đốc thu hồi công nợ, giúp cho vòng quay vốn nhanh hơn, việc sản xuất kinh doanh sẽ được đảm bảo về nguồn vốn để phát triển nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần phải đáp ứng các nhu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều có một cơ chế quản lý tài chính nhất định và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức tổ chức kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong

khôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của từng doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý

- Hoàn thiện phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả. Về quản lý nhiên liệu, chi phí thu mua và chi phí khác cần quản lý tốt hơn nữa để tiết kiệm và giảm chi phí để tăng lợi nhuận.

Công ty nên hạch toán chi phí thanh toán tiền hàng vào chi phí quản lý doanh nghiệp nhất quán để tiện cho việc theo dõi và kiểm tra. Lập các sổ chi tiết cho từng hoạt động thương mại và vận tải, doanh thu, chi phí cho từng hoạt động để thuận tiện cho việc theo dõi.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp

+ Về hệ thống nhân viên kế toán Công ty chú trọng công tác đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, trang bị thêm phương tiện hỗ trợ cho cán bộ nhân viên phòng Tài chính – Kế toán.

+ Khi có những sự thay đổi về chuẩn mực kế toán, các thông tư sửa đổi hay sự ra đời của luật kế toán mới công ty đều cử cán bộ kế toán đi học tập rồi phổ biến cho các nhân viên kế toán còn lại nhằm điều chỉnh việc hạch toán cũng như sửa đổi bổ sung các phần trong sổ sách kế toán cho phù hợp với chế độ kế toán mới.

+ Để đảm bảo cho công tác kế toán cho hiệu quả hơn, đòi hỏi từng phần hành phải hạch toán vào sổ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tránh tình trạng dồn công việc đến cuối tháng, cuối kỳ sẽ dẫn đến phản ánh thiếu hoặc không chính xác tình hình tài chính của công ty. Mặt khác để đảm bảo hệ



thống quản lý tài chính kế toán có chất lượng và có thể hoà nhập với nền kinh tế thế giới công ty cần trang bị thêm những kiến thức về hệ thống kế toán quốc tế cũng như chuẩn mực kiểm toán trong nước và quốc tế cho đội ngũ nhân viên kế toán của công ty.

### ***3.2.2 Về lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

- Xác định chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tách biệt để tiện cho việc theo dõi và phân tích.

- Việc lập báo cáo tài chính cuối kỳ sản xuất kinh doanh là điều bắt buộc, tuy nhiên công ty nên lập báo cáo tài chính hàng quý để phục vụ cho việc quản trị doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất của công ty chủ yếu là buôn bán sắt thép và mặt hàng chủng loại cùng với cung cấp dịch vụ vận tải. theo đó việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý sẽ giúp cho công ty có định hướng kế hoạch gia tăng lợi nhuận.

- Thông qua bảng cân đối kế toán của công ty năm 2011 và năm 2012 em thấy rằng hàng tồn kho của công ty hàng năm là rất lớn, mà trên bảng cân đối kê toán kế toán công ty không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho điều này có thể gây bất lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh vì hàng hóa tồn kho có thể giảm giá bất kỳ lúc nào. Nếu hàng hóa giảm giá sẽ tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và tạo thế bị động trong vấn đề tài chính gây bất lợi cho quá trình kinh doanh của công ty. Vì vậy em xin được kiến nghị là công ty nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Bộ phận kế toán nên lập báo cáo về doanh thu của phòng kinh doanh để từ đó giúp nhà quản trị có kế hoạch giao nhiệm vụ về khâu tiêu thụ cho phòng kinh doanh nhằm đạt được chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu đã đề ra. Trước khi lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kế toán của công ty phải tiến hành đối chiếu giữa các sổ sách cần thiết để tránh trường hợp nhầm lẫn và bỏ sót các nghiệp vụ.

### ***3.2.3 Về phân tích báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

Tại công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam, việc phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không được tổ chức tiến hành mà chỉ là sau khi lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kế toán và các nhà quản trị công ty tiến hành việc so sánh và đánh giá giữa thực tế thực hiện với kế hoạch đã đề ra. Việc phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vẫn còn đang được công ty coi nhẹ trong quá trình hoạt động kinh doanh. Đây vẫn còn là một xu thế chung hiện nay tại nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta. Các nhà quản trị chưa đánh giá hết được tầm quan trọng của việc phân tích tình hình tài chính cũng như phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định kịp thời, hợp lý tạo thế chủ động trong vấn đề tài chính của doanh nghiệp. Công việc phân tích tài chính của nhân viên phân tích là vô cùng quan trọng, vì thông qua việc phân tích này tình hình tài chính và các kế hoạch về tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mới được trình bày một cách rõ ràng và từ đó đưa ra những đề xuất hỗ trợ trong việc đưa ra các quyết định tài chính của các nhà quản trị doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi các nhân viên phân tích phải đọc nhiều và nghiên cứu thật kỹ lưỡng các thông tin về tài chính của công ty cũng như các thông tin tài chính trên thị trường, các tạp chí tài chính, sách báo.... Vì vậy với tình hình hiện nay công ty nên chú trọng những vấn đề sau:

- Chọn lọc những nhân viên cho bộ phận tài chính của mình phải có trình độ cơ bản về tài chính và có kinh nghiệm thâm niên trong công tác tài chính của công ty. Không ngừng đào tạo cho các bộ phận kế toán và tài chính thông qua các khóa tập huấn, hội thảo của Bộ Tài chính, cũng như cục thuế, trung tâm giáo dục của các trường đại học chuyên ngành. Kịp thời tiếp nhận những thay đổi chính sách kế toán và những chuẩn mực kế toán mới, bổ sung những kiến thức mới về pháp luật và các chính sách tài chính thông qua các thông tin trên các báo cáo, các trang Web liên quan. Khuyến khích tìm hiểu các thông tin kinh tế trong nước và ngoài nước từ mọi nguồn đăng tải, có thể cử hoặc tạo điều kiện cho các nhân viên kế toán trong công ty tham gia các

khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn tại một số nước phát triển có nhiều kinh nghiệm trong công tác kế toán và phân tích tài chính trên thế giới.

- Tin học hóa đội ngũ nhân viên kế toán, thường xuyên cử họ đi dự các hội thảo chuyên ngành về kế toán, tài chính nhằm nâng cao kiến thức cho họ. Tuy nhiên để thực hiện những yêu cầu này cần phải có sự nỗ lực từ phía công ty. Công ty vẫn thực hiện nghiêm túc công tác kế toán và kiểm toán báo cáo tài chính theo chế độ kế toán và theo quy định của nhà nước, những chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam và hệ thống pháp luật về kinh tế. Để có được những thông tin về kế toán có giá trị thì công ty nên có những biện pháp kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoặc kiểm toán nội bộ. Mặt khác để công ty hòa nhập với quá trình phát triển của nền kinh tế bắt kịp với sự thay đổi của đất nước và của khu vực, công tác kế toán phải tuân thủ theo chế độ kế toán mới và những chuẩn mực kế toán Việt Nam, bên cạnh đó cần phải chú trọng những vấn đề như sau:

- Bổ sung những báo cáo ngoài hệ thống báo cáo tài chính bắt buộc của bộ tài chính để phục vụ luồng thông tin đầy đủ cho công tác phân tích, như phân tích các báo cáo thu nhập, chi phí đều rất quan trọng và được sử dụng trong phân tích tài chính dùng cho các quyết định về cơ cấu vốn, sử dụng vốn, các quyết định về đầu tư và sử dụng đòn bẩy kinh tế..... mà hiện nay công ty không sử dụng. Sự hiểu biết của họ về báo cáo thu nhập, chi phí và các chỉ tiêu trong báo cáo chưa thực sự rõ ràng, do vậy công ty nên đưa hệ thống báo cáo thu nhập và chi phí vào trong hệ thống báo cáo kế toán quản trị.

- Nâng cao trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý. Mọi quyết định về tài chính và kinh doanh của công ty đều được đưa ra từ các cán bộ quản lý do vậy, trình độ, năng lực và đạo đức của họ quyết định đến sự hoạt động có hiệu quả của công ty, hiệu quả hoạt động tài chính và công tác phân tích báo cáo tài chính. Nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên chuyên trách về tài chính, thường xuyên trao đổi thông tin bên ngoài về kinh tế, tài chính, thị trường trên các kênh thông tin như internet, báo chí, truyền thông ...

- Để khắc phục được những điều này, công ty cần phải thực hiện công tác phân tích tài chính một cách cụ thể, chi tiết, thường xuyên và liên tục hơn và có như vậy mới đánh giá đúng được tình hình và diễn biến về tài chính của công ty sau mỗi thời gian hoạt động để từ đó những nhà quản lý dựa vào sự phân tích và nắm được tình hình tài chính và đưa ra các quyết định quản trị kịp thời. Quá trình phân tích tài chính của công ty phải giao cho những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thực hiện như trưởng phòng kế toán, kế toán tổng hợp hay trưởng phòng kinh doanh hoặc những nhân viên có trình độ và am hiểu về tài chính tổ chức phân tích và đánh giá kết quả phân tích để từ đó đưa ra được kết quả chính xác nhất về tình hình tài chính hiện tại của công ty. Từ đó đưa ra các giải pháp và kiến nghị phù hợp nhằm khắc phục những khó khăn gặp phải, đồng thời phát huy những thành tựu, những mặt mạnh mà công ty đang có.

- Công ty có thể tổ chức việc phân tích tài chính hàng tháng, hàng quý để có thể đánh giá kịp thời tình hình tài chính và dự đoán được nhu cầu, khả năng về tài chính trong thời gian tiếp theo tạo được sự chủ động trong vấn đề tài chính từ đó làm cho công việc kinh doanh diễn ra ổn định hơn. Để đảm bảo cho việc phân tích được kịp thời và chính xác công ty nên áp dụng những bước công việc sau:

➤ *Bước 1 : Khâu chuẩn bị phân tích*

Bước này công ty cần phải xác định rõ mục tiêu, kế hoạch và các chỉ tiêu cần phân tích, phải có mục tiêu phân tích rõ ràng, vì nếu mục tiêu phân tích đặt ra khác nhau thì kết quả đạt được cũng sẽ khác nhau. Đồng thời phải có kế hoạch chi tiết cho việc lựa chọn các chỉ tiêu phân tích cho phù hợp, sau đó tiến hành thu thập tài liệu một cách đầy đủ phục vụ cho công tác phân tích các chỉ tiêu. Tùy từng mục tiêu phân tích cụ thể mà phải tập hợp các tài liệu khác nhau, đồng thời các tài liệu phục vụ cho việc phân tích phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, trung thực và có hệ thống. thông thường việc phân tích tài chính không chỉ lấy số liệu của năm hiện tại mà còn phải dựa vào những số liệu ở

kỳ trước hoặc những năm trước để phân tích.

Ngoài ra còn phải lấy số liệu kế hoạch cũng như suu tầm số liệu trung bình của ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp đang kinh doanh để phân tích và có thể so sánh làm mục tiêu để doanh nghiệp đề ra các biện pháp đạt được ở mức cao hơn nữa.

➤ *Bước 2: Tiến hành phân tích.*

Trên cơ sở mục tiêu phân tích và số liệu đã tập hợp được bộ phận phân tích tiến hành xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu cần phân tích. Tuy nhiên hệ thống các chỉ tiêu này không nên dàn trải quá nhiều nhằm đảm bảo thời gian, tiết kiệm chi phí mà việc phân tích phải chú trọng đến chiều sâu của các chỉ tiêu phân tích. Đặc biệt cần chú trọng đến các chỉ tiêu có sự thay đổi lớn và những chỉ tiêu tài chính quan trọng có tác động chủ yếu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Sau khi tính toán các chỉ tiêu đã được lựa chọn thì tiến hành lập bảng các chỉ tiêu để tiện cho việc so sánh và phân tích. Khi phân tích cần phải bám sát tình hình thực tế của công ty để các số liệu phân tích để đạt được kết quả tốt nhất.

➤ *Bước 3: Lập báo cáo phân tích.*

Báo cáo phân tích là bảng tổng hợp về kết quả tính toán và phân tích các chỉ tiêu tài chính, thông thường các báo cáo phân tích gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty trong kinh doanh thông qua số liệu các chỉ tiêu tính toán cụ thể. Đặt các chỉ tiêu trong mối quan hệ tương tác giữa các mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Qua việc phân tích có thể đánh giá được những điểm mạnh và điểm yếu, những mặt còn hạn chế cũng như tiềm năng của từng mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Phần 2: Là phần đề ra những phương hướng giải pháp cụ thể, góp phần nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của công ty trong thời gian tiếp theo để từ đó nhà quản trị có kế hoạch cân nhắc và ra quyết định cho phù hợp.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

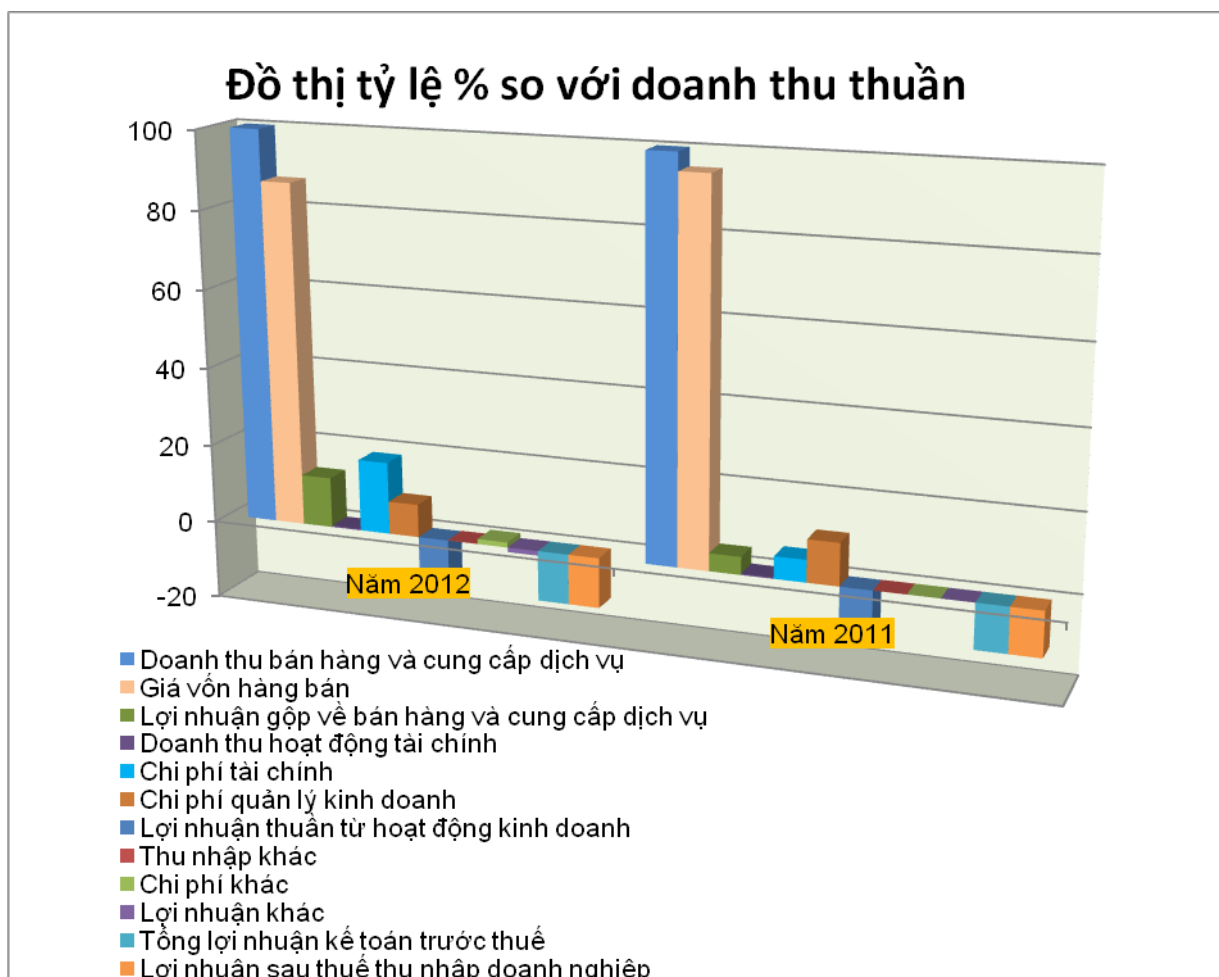
3.2.3.1. Phân tích khái quát tình hình biến động của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**Bảng 3.2.3.1a. Bảng phân tích theo chiều dọc các chỉ tiêu báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	Tỷ lệ so với DT(%)		Chênh lệch
			Năm 2012	Năm 2011	
<b>1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	21.856.548.351	13.455.828.687	100	100	0
<b>2.Giá vốn hàng bán</b>	19.058.712.677	12.849.955.563	87,20	95,50	-8,3
<b>3.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	2.797.835.674	604.873.124	12,8	4,50	8,3
<b>4.Doanh thu hoạt động tài chính</b>	78.642.823	43.829.519	0,36	0,33	0,03
<b>5.Chi phí tài chính</b>	4.019.707.537	758.903.820	18,39	5,64	12,75
-Trong đó: Chi phí lãi vay	4.019.707.537	755.692.002	18,39	5,62	12,77
<b>6.Chi phí quản lý kinh doanh</b>	1.832.016.858	1.442.233.786	8,38	10,72	-2,34
<b>7.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	-2.975.245.898	-1.551.434.963	-13,61	-11,53	-2,08
<b>8.Thu nhập khác</b>	24.490.767	4.678.066	0,11	0,03	0,08
<b>9.Chi phí khác</b>	280.246.581	4.582.829	1,28	0,03	1,25
<b>10.Lợi nhuận khác</b>	-255.755.814	95.237	-1,17	0,0007	-1,1707
<b>11.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	-3.231.001.712	-1.551.339.726	-14,78	-11,53	-3,25
<b>12.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-3.231.001.712	-1.551.339.726	-14,78	-11,53	-3,25

(Theo số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012, năm 2011 của Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

**Đồ thị tỷ lệ % với doanh thu thuần**



Năm 2012, để có 100 đồng doanh thu thuần thì doanh nghiệp phải bỏ ra 82,2 đồng giá vốn hàng bán; 18,39 đồng chi phí tài chính; 8,38 đồng chi phí quản lý kinh doanh. Như vậy, để cùng đạt được 100 đồng doanh thu thuần thì giá vốn hàng bán năm 2012 giảm so với năm 2011 là 8,3 đồng; chi phí quản lý kinh doanh năm 2012 giảm so với năm 2011 là 2,34 đồng; trong khi đó chi phí tài chính năm 2012 lại tăng so với năm 2011 là 12,75 đồng. Do doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm nên có nhiều sự biến động vào giá cả giữa các mùa, vùng miền.

Năm 2011, cứ 100 đồng doanh thu thuần thì doanh nghiệp bị lỗ 11,53 đồng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh. Sang năm 2012, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lỗ 13,61 đồng, giảm 2,08 đồng. Năm 2011, cứ 100 đồng doanh thu thuần thì doanh nghiệp lỗ 11,53 đồng lợi nhuận sau thuế; năm 2012, cứ 100 đồng doanh thu thuần thì bị lỗ 14,78 đồng lợi nhuận sau thuế,

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

giảm so với năm 2011 là 3,25 đồng. Đó là kết quả của việc, doanh nghiệp sử dụng nhiều vốn vay từ bên ngoài làm chi phí lãi vay tăng lên (3.264.015.535 đồng). Mặt khác, lợi nhuận khác năm 2011 là 95.237 đồng; năm 2012, công ty lỗ 255.755.814 đồng. Sự biến động của các khoản mục chi phí tác động không tốt đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

**Bảng 3.2.3.1b. Bảng phân tích theo chiều ngang các chỉ tiêu báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.**

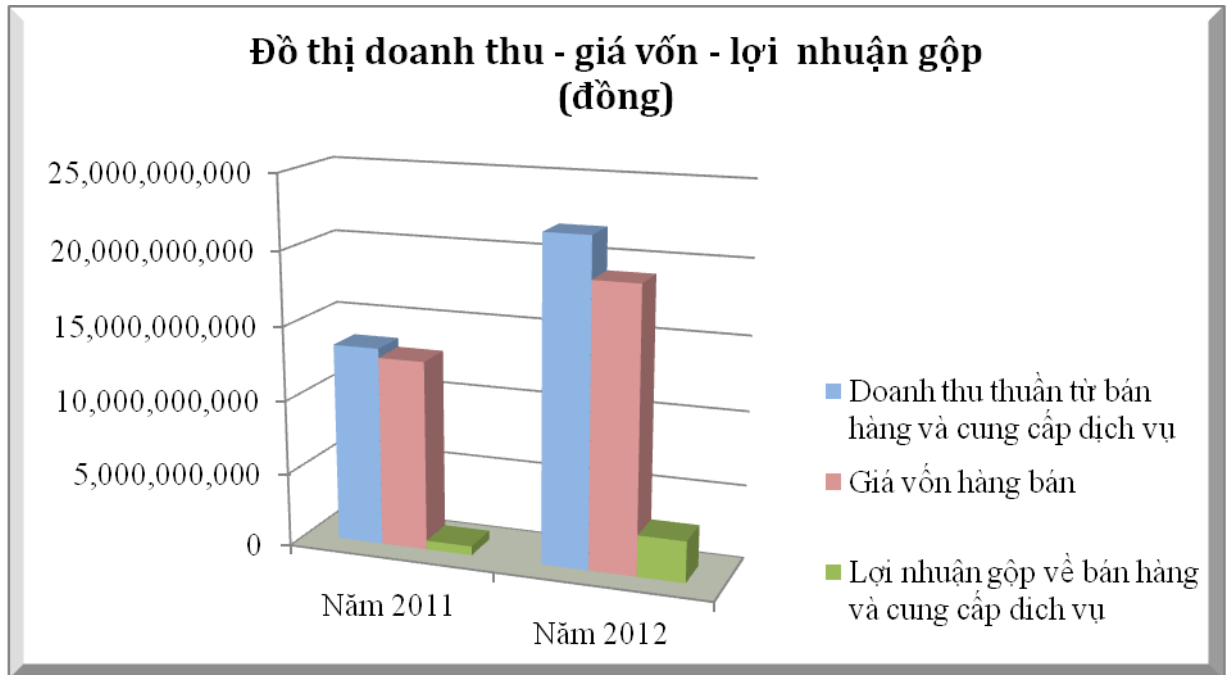
Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012 so với năm 2011	
			Mức tăng	Tỷ lệ (%)
<b>1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	21.856.548.351	13.455.828.687	8.400.719.664	62,43
<b>2.Giá vốn hàng bán</b>	19.058.712.677	12.849.955.563	6.208.757.114	48,32
<b>3.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	2.797.835.674	604.873.124	2.192.962.550	362,55
<b>4.Doanh thu hoạt động tài chính</b>	78.642.823	43.829.519	34.813.304	79,43
<b>5.Chi phí tài chính</b>	4.019.707.537	758.903.820	3.260.803.717	429,67
<b>-Trong đó: Chi phí lãi vay</b>	4.019.707.537	755.692.002	3.264.015.535	431,92
<b>6.Chi phí quản lý kinh doanh</b>	1.832.016.858	1.442.233.786	389.783.072	27,03
<b>7.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	-2.975.245.898	-1.551.434.963	1.423.810.935	91,77
<b>8.Thu nhập khác</b>	24.490.767	4.678.066	19.812.701	423,52
<b>9.Chi phí khác</b>	280.246.581	4.582.829	275.663.752	6.015,14
<b>10.Lợi nhuận khác</b>	-255.755.814	95.237	-255.851.051	268.646,69
<b>11.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	-3.231.001.712	-1.551.339.726	1.679.661.986	108,27
<b>12.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-3.231.001.712	-1.551.339.726	1.679.661.986	108,27

*(Theo số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012, năm 2011 của*



*Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)*

Qua tính toán ở bảng 3.2.3.1b, ta thấy:



### ***Tổng doanh thu thuần***

Năm 2012 tăng so với năm 2011 là 8.400.719.664 tương ứng với tỷ lệ tăng là 62,43%. Bên cạnh việc tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phải kể đến việc giữ ổn định của doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ. Số liệu trên bảng phân tích cho chúng ta thấy sự cố gắng của công ty trong việc giảm các khoản giảm trừ doanh thu, năm 2011 thì các khoản giảm trừ doanh thu bằng không, thể hiện việc cung cấp dịch vụ sau bán hàng là rất tốt. Trong năm 2012 công ty vẫn duy trì tốt việc này khi khoản giảm trừ doanh thu vẫn bằng 0, trong thời gian tới công ty cần phát huy tốt hơn trong công tác dịch vụ sau bán hàng.

### ***Giá vốn hàng bán***

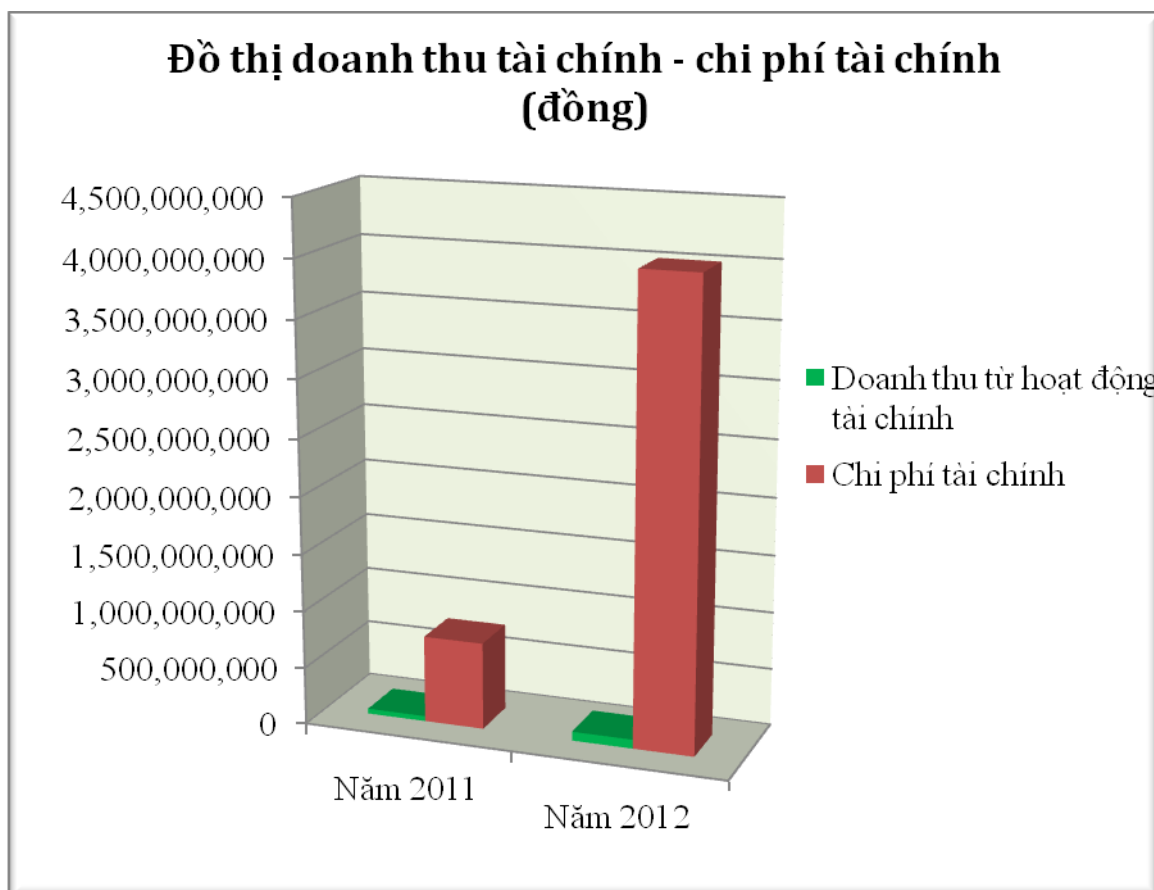
Năm 2012, tăng so với năm 2011 là 6.208.757.114 tương ứng với tỷ lệ tăng là 48,32%. Nguyên nhân chủ yếu làm giá vốn tăng cao như vậy là do thời tiết ngày càng khắc nghiệt ảnh hưởng mạnh đến ngành nông nghiệp, làm cho việc thu mua nông sản ngày càng khó khăn cả về giá cả lẫn trong quá trình thu mua.

### ***Lãi gộp***

Bên cạnh việc tăng doanh thu và giảm giá vốn là việc tăng lên của lợi nhuận gộp, nhìn vào bảng phân tích ta có thể thấy rằng tốc độ tăng lợi nhuận gộp cao hơn nhiều so với tốc độ tăng của doanh thu. Việc tăng giá vốn hàng bán không làm giảm lợi nhuận của công ty mà do là năm 2011 tốc độ tăng của doanh thu là (62,43%) lớn hơn tốc độ tăng của giá vốn hàng bán (48,32%). Năm 2012, tốc độ tăng doanh thu thuần về số tương đối và tuyệt đối, doanh thu thuần tăng 8.400.719.664 đồng, giá vốn chỉ tăng 6.208.757.114 đồng so với năm 2011.

### ***Chi phí quản lý kinh doanh***

Chi phí quản lý kinh doanh năm 2012 tăng so với năm 2011. Cụ thể: Năm 2012, chi phí quản lý kinh doanh là 1.832.016.858 đồng, tăng 389.783.072 đồng tương đương với 27,03% so với năm 2011. Chi phí quản lý kinh doanh tăng là do doanh nghiệp tiến hành mở rộng kinh doanh, tìm kiếm môi trường làm ăn. Một điều đáng kể hơn cả là trong khi doanh thu của doanh nghiệp năm 2011 tăng lên rất lớn thì chi phí quản lý kinh doanh của công ty lại tăng rất nhỏ so với năm 2012, tỷ lệ tăng doanh thu là 62,43% trong khi đó tỷ lệ tăng chi phí quản lý kinh doanh chỉ có 27,03%, điều này thể hiện chiến lược đổi mới trong kinh doanh và quản lý là rất đúng đắn và hiệu quả. Trong thời gian tới ngày càng phát huy hiệu quả hơn góp phần không nhỏ vào việc tăng lợi nhuận của công ty.



### ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh***

Việc tăng doanh thu trong năm 2011 nhưng không đem lại hiệu quả trong kinh doanh vì trong năm 2011 thì doanh nghiệp đã bị thua lỗ 1.551.434.963 đồng. Tuy nhiên sang năm 2012, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 1.423.810.935 đồng so với năm 2011 và tương ứng với tỷ lệ 91,77%.

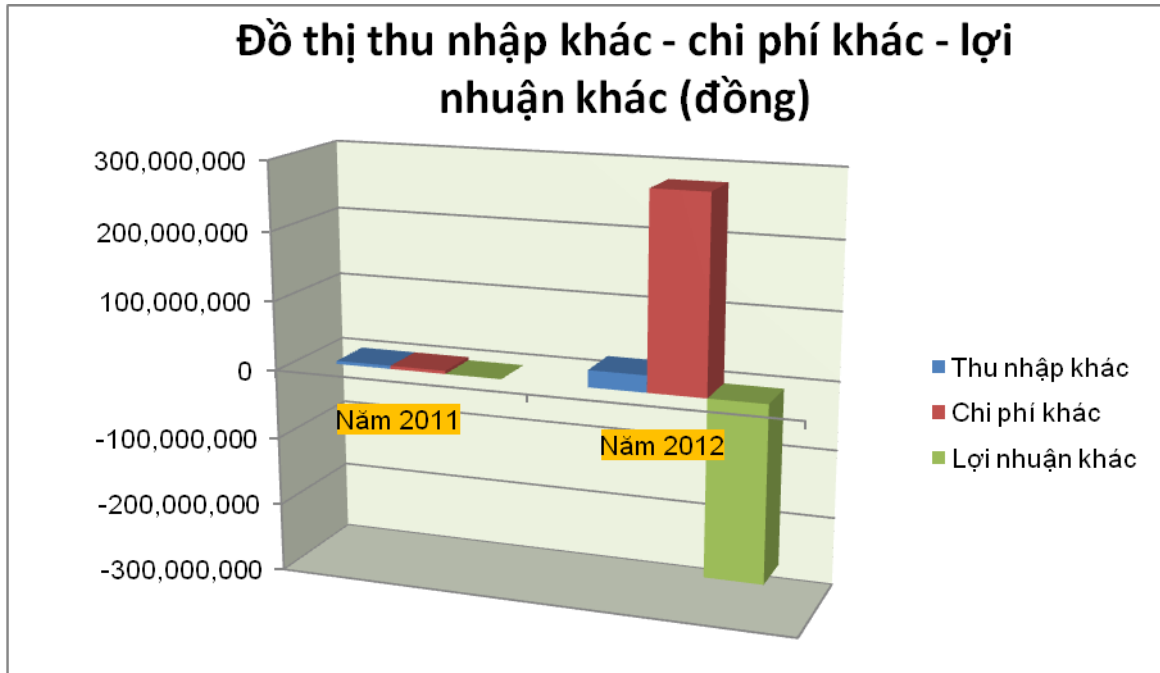
### ***Chi phí tài chính***

Trong kinh doanh thì hầu hết các doanh nghiệp đều phải vay vốn, công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ, đồng nghĩa với việc tăng doanh thu là tăng các khoản vốn vay và chi phí sử dụng vốn theo đó cũng tăng lên. Chi phí tài chính năm 2012 tăng 3.260.803.717 đồng, tương ứng với 429,67% so với năm 2011. Điều đó chứng tỏ hầu như nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp là đi vay từ bên ngoài.

### ***Doanh thu từ hoạt động tài chính***

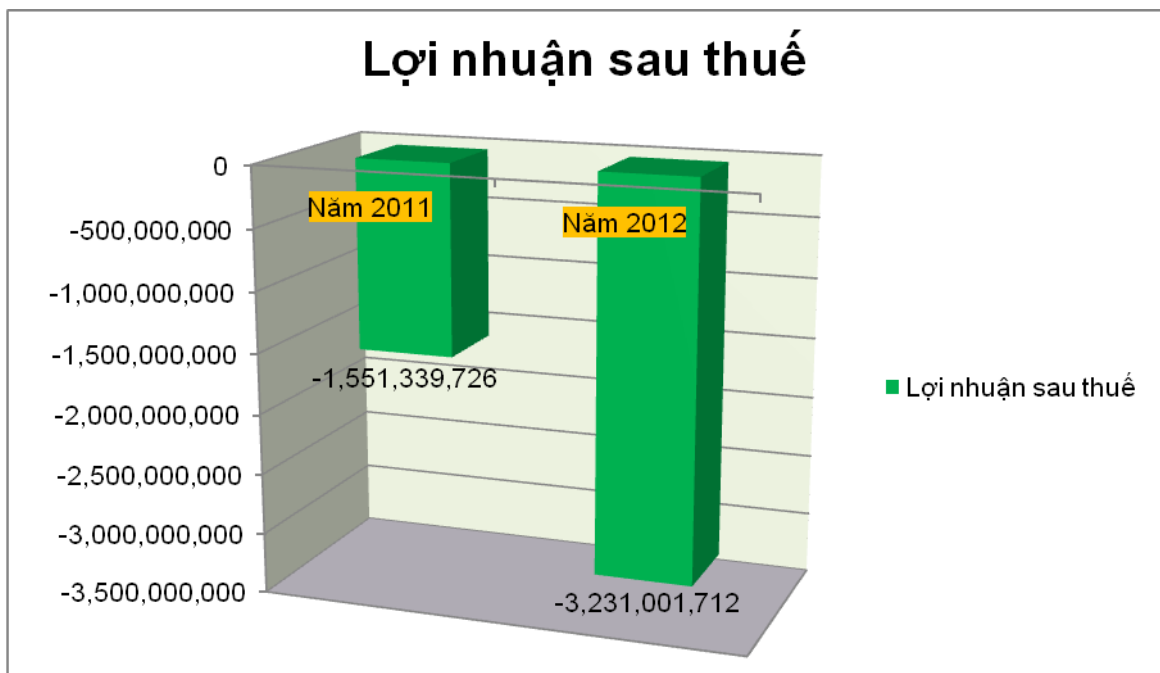
Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2012 là 78.642.823 đồng, tăng

34.813.304 đồng , tương ứng tỷ lệ 79,43% so với năm 2011.



### **Lợi nhuận khác**

Thu nhập khác của công ty năm 2011 là 4.678.066 đồng và chi phí khác là 4.582.829 đồng, thu nhập khác là 95.237 đồng . Năm 2012, thu nhập khác của công ty là 24.490.767 đồng, tăng so với năm 2011 là 19.812.701 đồng, nhưng bên cạnh đó thì chi phí bất thường lại tăng lên là 275.663.752 đồng. Do vậy mà năm 2012, doanh nghiệp bị lỗ từ hoạt động khác là 255.755.814 đồng.



***Lợi nhuận sau thuế***

Lợi nhuận sau thuế năm 2012 của công ty lỗ là 3.231.001.712 đồng tương ứng với tỷ lệ 108,27%. Kết quả này do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm trong khi đó chi phí quản lý kinh doanh và chi phí tài chính tăng.

***3.2.3.2 Phân tích các chỉ tiêu tài chính của công ty thông qua bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.***

Phân tích khả năng sinh lời luôn luôn được các nhà quản trị tài chính quan tâm. chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ nhất, là đáp số sau cùng của hiệu quả kinh doanh, vẫn còn là một luận cứ quan trọng để các nhà hoạch định đưa ra các quyết tài chính trong tương lai.

**Bảng 3.2.3.2a: Một số chỉ tiêu của Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.**

Chỉ tiêu	Công thức	Năm 2011	Năm 2012
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} * 100$	-11,53%	-14,78%
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản bình quân	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tài sản bình quân}} * 100$	-1,47%	-2,50%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cố định bình quân	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn cố định bình quân}} * 100$	-1,94%	-3,51%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn lưu động bình quân	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn lưu động bình quân}} * 100$	-6,89%	-9,22%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} * 100$	-1,81%	-3,93%

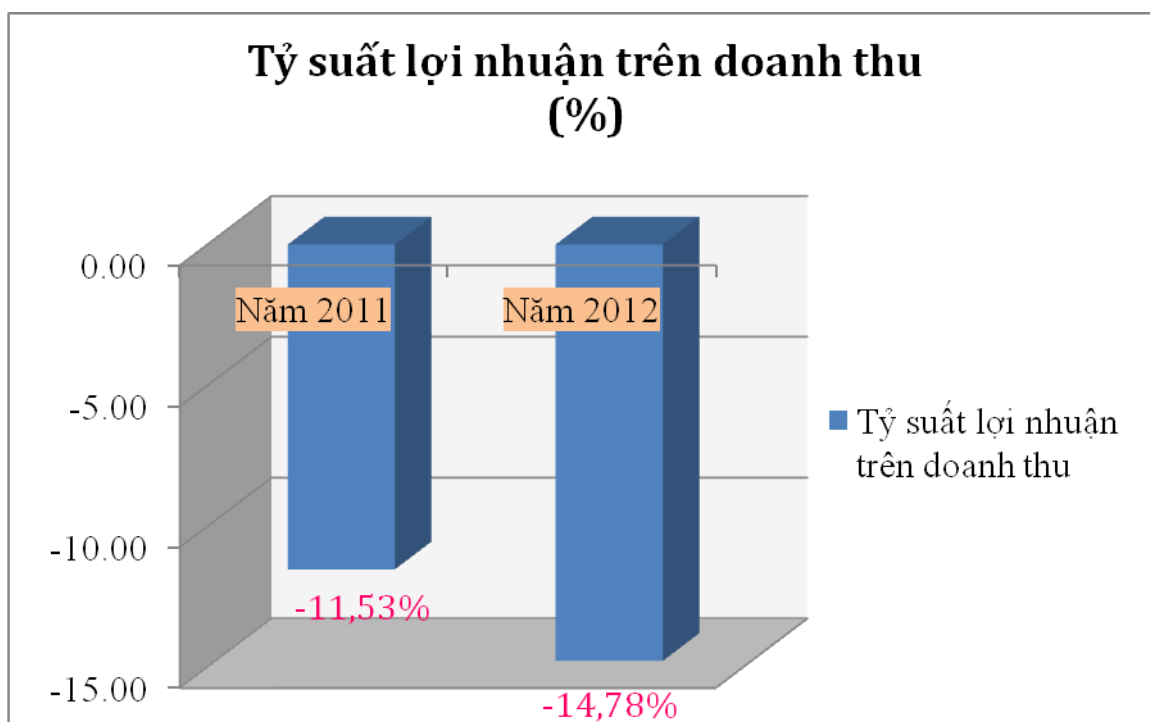
(Theo số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011, năm 2012 tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

➤ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Chỉ tiêu	Công thức	Năm 2011	Năm 2012
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} * 100$	-11,53%	-14,78%

Biểu đồ minh họa



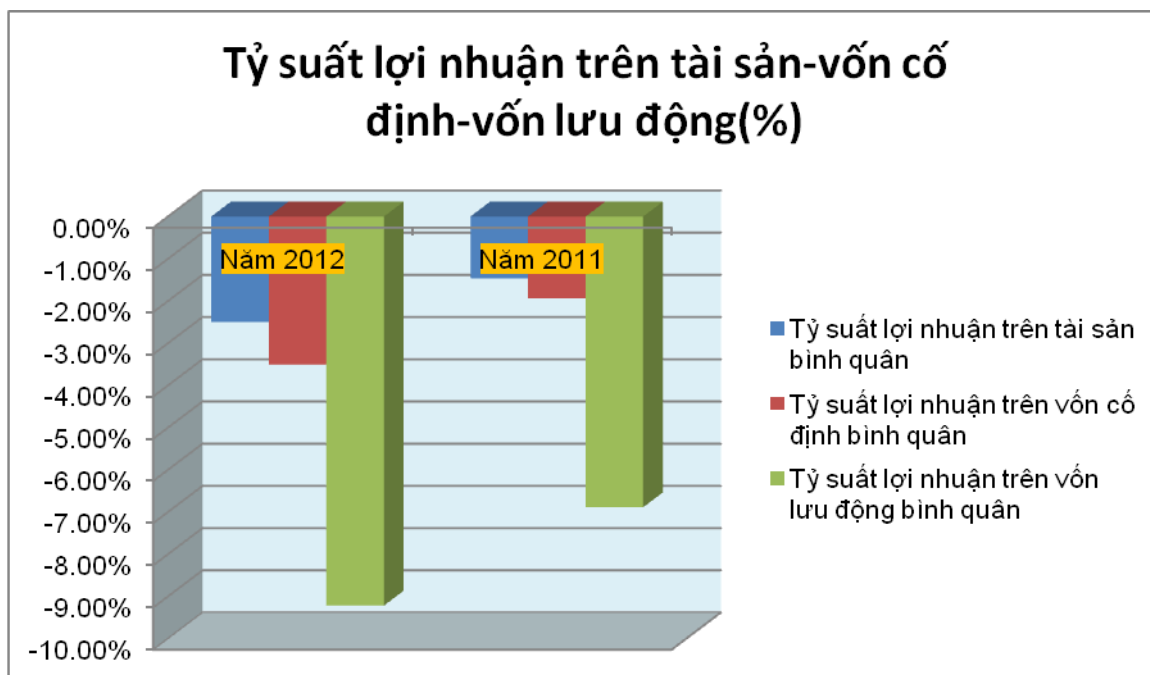
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần phản ánh số lợi nhuận trước thuế doanh nghiệp có được bao nhiêu khi thu được 100 đồng doanh thu thuần. Dựa vào bảng phân tích trên ta thấy, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần giảm dần qua các năm. Trong năm 2011, tỷ suất này là -11,53%, sang năm 2012 giảm 3,25% so với năm 2011.

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.**

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cố định bình quân, vốn lưu động bình quân, tài sản bình quân.

Chỉ tiêu	Công thức	Năm 2011	Năm 2012
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản bình quân	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tài sản bình quân}} * 100$	-1,47%	-2,50%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cố định bình quân	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn cố định bình quân}} * 100$	-1,94%	-3,51%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn lưu động bình quân	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn lưu động bình quân}} * 100$	-6,89%	-9,22%

Biểu đồ minh họa





- **Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tài sản bình quân** phản ánh số lợi nhuận trước thuế doanh nghiệp có được khi huy động 1 đồng tài sản bình quân vào sản xuất kinh doanh. Qua bảng phân tích ta thấy, trong năm 2011 doanh nghiệp cứ đầu tư 100 đồng tài sản thì doanh nghiệp bị lỗ 1,47 đồng lợi nhuận. Sang năm 2012 mặc dù doanh thu thuần và lợi nhuận gộp năm 2012 tăng cao nhưng chi phí của doanh nghiệp tăng nhanh hơn tốc độ tăng lợi nhuận gộp, chính điều này đã dẫn đến lợi nhuận của doanh nghiệp bị âm, vì vậy dẫn đến tỷ suất này bị âm. Năm 2012, tỷ suất này giảm nhiều hơn 1,03% so với năm 2011. Điều này cho thấy, doanh nghiệp cần chú trọng hơn đến việc giảm chi phí trong thời gian tới.

- **Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn cố định bình quân** phản ánh việc doanh nghiệp bỏ ra 1 đồng vốn cố định vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì thu về bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế. Hệ số này cho biết trong hiệu quả của việc đầu tư vốn cố định trong kỳ của doanh nghiệp. Qua bảng phân tích ta có thể thấy rằng hiệu quả sử dụng vốn cố định trong kỳ của doanh nghiệp là chưa cao vì năm 2011 khi đầu tư 1 đồng vốn cố định thì doanh nghiệp bị lỗ 1,94 đồng, như vậy có thể kết luận rằng việc sử dụng vốn cố định của doanh nghiệp năm 2011 là chưa hiệu quả. Nhưng năm 2012 thì hiệu quả sử dụng vốn cố định của doanh nghiệp còn kém hơn, năm 2012 doanh nghiệp đầu tư 1 đồng vốn cố định thì doanh nghiệp bị lỗ 3,51 đồng (cao hơn năm 2011 là 1,57 đồng). Vì vậy, trong thời gian tới doanh nghiệp cần có những chính sách hợp lý để cải thiện tình hình sử dụng vốn cố định cho có hiệu quả.

- **Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn lưu động bình quân** phản ánh việc doanh nghiệp thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế khi bỏ ra 1 đồng vốn lưu động bình quân vào hoạt động sản xuất. Hệ số này cho biết hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong kỳ của doanh nghiệp. Năm 2011 đầu tư một đồng vốn lưu động thì doanh nghiệp bị lỗ 6,89 đồng lợi nhuận, điều này là bởi vì lợi nhuận của doanh nghiệp năm 2011 là âm. Đến năm 2012 lợi nhuận của

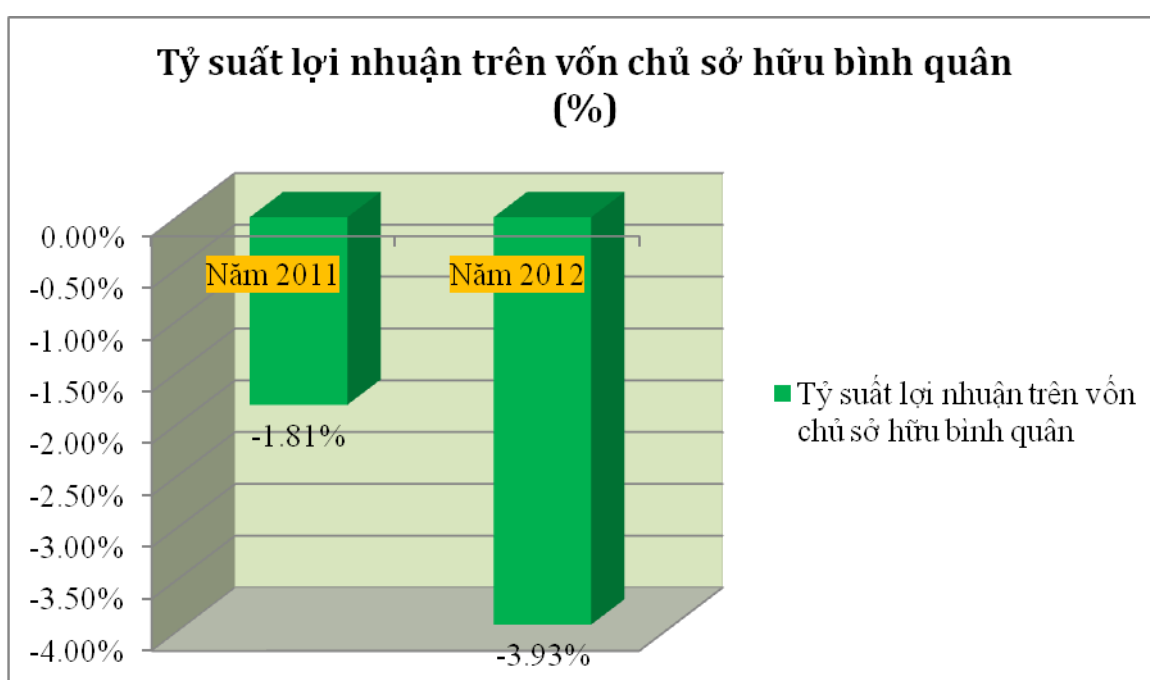
Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

---

doanh nghiệp không được cải thiện mà còn lỗ nhiều hơn so với năm 2011 vì vậy mà hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp cũng giảm đi, cụ thể năm 2012 cứ đầu tư 1 đồng vốn lưu động trong kỳ doanh nghiệp lỗ 9,22 đồng lợi nhuận, giảm nhiều hơn 2,33 đồng so với năm 2011. Điều này càng khẳng định chiến lược giảm chi phí trong kinh doanh của doanh nghiệp cần phải được chú trọng hơn.

➤ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

Chỉ tiêu	Công thức	Năm 2011	Năm 2012
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} * 100$	-1,81%	-3,93%



Thông qua bảng phân tích ta có thể thấy rằng năm 2011 thì lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp đã bị âm vào vốn chủ sở hữu, có nghĩa là sau một năm sản xuất kinh doanh cứ 1 đồng vốn chủ sở hữu mà công ty có năm 2011 thì bị giảm đi 1,81 đồng lợi nhuận. Sang năm 2012, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đi xuống, lợi nhuận trước thuế bị lỗ rất lớn dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu giảm đi đáng kể, cụ thể năm 2012 cứ đầu tư 1 đồng vốn chủ sở hữu vào sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp bị lỗ 3,93 đồng lợi nhuận.

### 3.3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA CÔNG TY

Nâng cao khả năng sinh lời của Công ty là nâng cao doanh thu, giảm chi phí, nâng cao lợi nhuận và nâng cao khả năng sinh lời trên vốn sản xuất kinh doanh. Để nâng cao khả năng sinh lời thì biện pháp hữu hiệu hơn cả là gia tăng lợi nhuận, việc gia tăng lợi nhuận chịu ảnh hưởng của 2 nhân tố là doanh thu và chi phí. Như vậy để làm gia tăng lợi nhuận thì công ty phải có các biện pháp tăng doanh thu và giảm chi phí.

Một số biện pháp làm gia tăng lợi nhuận:

**Biện pháp 1:** Mở rộng thị trường để tìm kiếm các khách hàng mới là các doanh nghiệp và các cá nhân đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm là những doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng các hàng hóa sản phẩm của công ty, đồng thời đẩy mạnh công tác quảng cáo, thường xuyên nâng cao chất lượng cung cấp hàng hóa đúng thời gian và đảm bảo chất lượng, đảm bảo đầy đủ các thủ tục pháp lý nhanh chóng cho khách hàng, nâng cao sức cạnh tranh.

**Biện pháp 2:** Do đặc điểm ngành nghề kinh doanh về lĩnh vực thực phẩm nên Công ty cần chú trọng đến vấn đề đảm bảo về các nguồn nguyên liệu cung cấp cho sản xuất cả về giá cả lẫn chất lượng cũng như số lượng của nguyên liệu đầu vào.

**Biện pháp 3:** Bộ phận xây dựng kế hoạch kinh doanh của công ty nên lập kế hoạch cụ thể về doanh thu giao cho các nhân viên tại các chi nhánh của công ty và có mức lương, thưởng xứng đáng đối với họ, thúc đẩy họ trong công tác tiêu thụ hàng hóa. Có như vậy thì khả năng mở rộng thị trường và tăng doanh thu của công ty mới đạt cao hơn và từ đó có thể làm gia tăng lợi nhuận cho công ty.

**Biện pháp 4:** Tối thiểu hóa các loại chi phí

Chi phí thu mua, bảo quản, tiêu thụ nguyên vật liệu cũng như sản phẩm sản xuất, ví dụ như: tổ chức bộ máy kinh doanh và mạng lưới kinh doanh phù hợp với khối lượng hàng hóa; sử dụng tài sản cố định vào công tác thu mua

bảo quản một cách hiệu quả cũng như áp dụng khoa học kỹ thuật vào bảo quản; tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ thuật, chuyên môn cho công nhân viên công tác kho.

Chi phí hao hụt hàng hóa: Hao hụt hàng hóa liên quan đến nhiều khâu, nhiều yếu tố, đặc biệt phải quan tâm đến điều kiện kỹ thuật. Để giảm hao hụt có thể áp dụng những biện pháp sau: kiểm tra chặt chẽ số lượng chất lượng nguyên vật liệu nhập kho, có sự phân loại và phương pháp bảo quản cho phù hợp; cải tiến kỹ thuật bảo quản tại các kho; củng cố và hoàn thiện kho hàng, vật liệu che lấp, kê lót, các trang thiết bị của kho; xây dựng định mức hao hụt và quản lý chặt chẽ các khâu, các yếu tố liên quan đến hao hụt tự nhiên, tăng cường bồi dưỡng kỹ thuật bảo quản, tinh thần trách nhiệm của công nhân bảo quản, bảo vệ hàng hóa.

Chi phí quản lý hành chính: tinh giảm bộ máy quản lý hành chính và tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với sự phát triển của Công ty, nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên.

Chi phí lãi vay phải trả: chi phí lãi vay phải trả là số tiền trả cho việc huy động vốn thêm, hầu hết các doanh nghiệp khi tiến hành sản xuất kinh doanh cũng đều thiếu vốn do đó phải huy động thêm vốn bên ngoài, có nhiều cách huy động vốn như vay vốn ngân hàng, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết, hàng năm chi phí lãi vay tại công ty là rất lớn, năm 2012 khoản chi phí này là trên 4 tỷ đồng. Ngoài ra công ty phải cố gắng không để khách hàng chiếm dụng vốn quá lâu vì như vậy sẽ làm cho chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp ngày càng tăng lên điều đó sẽ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Để khuyến khích khách hàng của công ty thanh toán đúng và trước thời hạn thì công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng nếu họ thanh toán trước thời hạn và phải đưa ra các điều khoản chiết khấu cụ thể khi ký kết hợp đồng mua bán với khách hàng.

**Biện pháp 5:** Xây dựng, tổ chức tốt và hợp lý công tác kế toán hơn nữa, phân chia nhiệm vụ kế toán không để một người đảm nhiệm nhiều công việc khác nhau vì số lượng công việc là rất lớn. Nên tách riêng một người đảm

nhiệm phần kế toán quản trị và phân tích tình hình tài chính có như vậy các kế hoạch về kinh doanh và việc kiểm soát tình hình tài chính của công ty của ban quản trị mới tốt hơn từ đó đề ra được những quyết định sang suốt hơn.

**Biên pháp 6:** Thực hiện tốt các cam kết đã ký trong hợp đồng mua bán hoạt động tín dụng với các tổ chức trong thành phần kinh tế. Chăm lo đời sống vật chất cho cán bộ công nhân viên để họ yên tâm trong công việc và gắn bó lâu dài với công ty, khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo học các lớp nâng cao nghiệp vụ để kịp thời cập nhật thông tin và có khả năng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong kinh doanh.

**Biên pháp 7:** Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn doanh nghiệp có thể áp dụng những phương pháp sau: tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động hay rút ngắn số ngày của một vòng lưu chuyển hàng hóa. Cần đẩy mạnh bán ra, kết hợp mua và bán không qua kho, thu hút nhiều khách hàng và khách hàng mới, khách hàng tiềm năng trên cơ sở đảm bảo cung ứng số lượng hàng hóa, chất lượng hàng hóa và dịch vụ thuận tiện, kịp thời, văn minh. Cần mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, áp dụng các phương tiện dự trữ, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, bao bì mới để tăng năng suất lao động; mở rộng mạng lưới bán hàng để kịp thời, thuận tiện cho khách hàng.

**Biên pháp 8:** Thông qua bảng cân đối phát sinh các tài khoản thì ta thấy rằng khoản chi phí cho hoạt động truyền thông quảng cáo của công ty năm 2012 là rất nhỏ so với doanh thu mà công ty đạt được trong một năm. Ngoài việc khẳng định uy tín bằng chất lượng, giá cả và dịch vụ bán hàng thì công ty nên tăng thêm chi phí quảng cáo trên các phương tiện truyền thông và các phương tiện khác. Đây là một khoản chi phí góp phần rất lớn vào việc tăng doanh thu của công ty, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi mà công nghệ truyền thông và báo chí phát triển rất mạnh mẽ. Vì vậy công ty nên chú trọng hơn về hoạt động truyền thông, quảng cáo, hoạt động này chi phí ít mà hiệu quả đem lại là rất lớn.

## KẾT LUẬN

Báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng là một công cụ quản lý hết sức cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp. Báo cáo tài chính không những phản ánh tổng thể về toàn bộ những gì mà công ty có và đã đạt được trong quá khứ mà còn là căn cứ quan trọng để ban quản trị công ty hoạch định chiến lược kinh doanh cho công ty trong tương lai. Vì vậy báo cáo tài chính và báo cáo kết quả kinh doanh cần phải được cải tiến và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu quản lý của các chủ doanh nghiệp, sự giám sát và quản lý của nhà nước về kinh tế và các nhà đầu tư. Sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào các thông tin rút ra từ việc phân tích, đánh giá các bản báo cáo tài chính trong đó có báo cáo kết quả kinh doanh.

Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam, tìm hiểu thực tế về công tác kế toán và lập báo cáo tài chính, được sự giúp đỡ nhiệt tình của các thầy cô và các anh chị trong phòng kế toán em đã hoàn thành bài khóa luận về đề tài “ **Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam**”, em hy vọng thông qua bài viết của mình sẽ đem đến cho người đọc hiểu hơn về công ty và tình hình tài chính của công ty.

Tuy nhiên do thời gian thực tế và trình độ còn hạn chế nên trong bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót, em mong nhận được ý kiến đóng góp chân thành của các thầy cô trong bộ môn và các anh chị trong phòng kế toán đặc biệt là Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang.

Em xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc tới cô giáo trực tiếp hướng dẫn **Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang** các thầy cô trong tổ bộ môn quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, ban lãnh đạo công ty đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Vương Thị Phượng

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng  
BTC)

Niên độ tài chính năm 2012

Mã số thuế: 0200566628

Người nộp thuế: Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam

ST T	CHỈ TIÊU	M ã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>10 0</b>		<b>35.043.889.532</b>	<b>22.532.110.439</b>
I	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	11 0	III.01	418.572.143	16.168.850.582
<b>II</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+129)</b>	<b>12 0</b>	III.05	<b>0</b>	<b>0</b>
1	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	12 1		0	0
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	12 9		0	0
<b>III</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>13 0</b>		<b>7.220.385.073</b>	<b>3.520.782.094</b>
1	1. Phải thu của khách hàng	13 1		1.305.730.361	671.119.734
2	2. Trả trước cho người bán	13 2		4.638.219.810	518.793.710
3	3. Các khoản phải thu khác	13 8		1.276.434.902	2.330.868.650
4	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	13 9		0	0
<b>IV</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>14 0</b>		<b>9.539.262.015</b>	<b>1.180.303.511</b>
1	1. Hàng tồn kho	14 1	III.02	9.539.262.015	1.180.303.511
2	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	14 9		0	0
<b>V</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>15 0</b>		<b>17.865.670.301</b>	<b>1.662.174.252</b>
1	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15 1		1.990.000	0
2	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15 2		0	0
3	3. Tài sản ngắn hạn khác	15 8		17.863.680.301	1.662.174.252
<b>B</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240)</b>	<b>20 0</b>		<b>94.301.961.618</b>	<b>83.345.594.620</b>
<b>I</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>21</b>	III.03.04	<b>91.926.711.667</b>	<b>80.023.615.217</b>



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

		<b>0</b>			
1	1. Nguyên giá	21 1		103.968.776.44 4	91.923.200.454
2	2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	21 2		- 18.131.413.322	- 12.136.890.497
3	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21 3		6.089.348.545	237.305.260
<b>II</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>22 0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1	1. Nguyên giá	22 1		0	0
2	2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	22 2		0	0
<b>III</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>23 0</b>	III.05	<b>134.708.745</b>	<b>149.041.543</b>
1	1. Đầu tư tài chính dài hạn	23 1		238.001.520	208.847.920
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	23 9		-103.292.775	-59.806.377
<b>IV</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>24 0</b>		<b>2.240.541.206</b>	<b>3.172.937.860</b>
1	1. Phải thu dài hạn	24 1		2.190.541.206	3.122.937.860
2	2. Tài sản dài hạn khác	24 8		50.000.000	50.000.000
3	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	24 9		0	<b>0</b>
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)</b>	<b>25 0</b>		<b>129.345.851.15 0</b>	<b>105.877.705.05 9</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A</b>	<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>30 0</b>		<b>47.032.379.551</b>	<b>20.229.044.785</b>
<b>I</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>31 0</b>		<b>11.075.111.368</b>	<b>10.529.944.785</b>
1	1. Vay ngắn hạn	31 1		5.655.314.000	3.950.000.000
2	2. Phải trả cho người bán	31 2		1.501.144.575	3.461.549.753
3	3. Người mua trả tiền trước	31 3		540.875.348	531.934.011
4	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31 4	III.06	15.740.507	355.517.754
5	5. Phải trả người lao động	31 5		448.407.225	609.041.000
6	6. Chi phí phải trả	31 6		1.705.749.662	265.174.584
7	7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	31 8		1.207.880.051	1.356.727.683
8	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	31 9		0	0
<b>II</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>32 0</b>		<b>35.957.268.183</b>	<b>9.699.100.000</b>
1	1. Vay và nợ dài hạn	32		35.924.500.000	9.669.000.000

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
tại Công ty TNHH Hương liệu thực phẩm Việt Nam.

		1			
2	2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	32 2		0	0
3	3. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	32 8		40.950.000	30.100.000
4	4. Dự phòng phải trả dài hạn	32 9		-8.181.817	0
<b>B</b>	<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>40 0</b>		<b>82.313.471.599</b>	<b>85.648.660.274</b>
I	I. Vốn chủ sở hữu	41 0	III.07	82.313.471.599	85.648.660.274
1	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41 1		87.200.000.000	87.200.000.000
2	2. Thặng dư vốn cổ phần	41 2		0	0
3	3. Vốn khác của chủ sở hữu	41 3		0	0
4	4. Cổ phiếu quỹ (*)	41 4		0	0
5	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	41 5		0	0
6	6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	41 6		0	0
7	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	41 7		-4.886.528.401	-1.551.339.726
<b>II</b>	<b>II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>43 0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>44 0</b>		<b>129.345.851.150</b>	<b>105.877.705.059</b>
	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>				
1	1- Tài sản thuê ngoài			0	0
2	2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			0	0
3	3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			0	0
4	4- Nợ khó đòi đã xử lý			0	0
5	5- Ngoại tệ các loại			0,00	0,00

Lập, ngày... tháng... năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đọc, lập và phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp – nhà xuất bản thống kê

Chủ biên: PGS TS - Nguyễn Thế Chi, TS Vũ Công Tý

2. Quản trị tài chính Doanh Nghiệp: NXB- Tài chính 2001

Chủ biên: TS Nguyễn Đăng Nam và PTS Nguyễn Văn Công

3. Phân tích tài chính Doanh Nghiệp- NXB Tài chính

4. Giáo trình: “Phân tích hoạt động kinh tế của Doanh Nghiệp”-NXB tài chính HN-2003

Chủ biên: TS Nguyễn Thế Khải

5. Phân tích kinh tế Doanh Nghiệp- Lý thuyết và thực hành: Nhà xuất bản Tài chính HN2/2003

Chủ biên: TS Nguyễn Năng Phúc

6. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 và 2 – NXB tài chính